

Hướng dẫn sử dụng

Chất lượng, Thiết kế và Đổi mới


















[home.liebherr.com/fridge-manuals](http://home.liebherr.com/fridge-manuals)



# LIEBHERR

# Mục lục

1	Tổng quan về thiết bị.....	3
1.1	Phạm vi giao hàng.....	3
1.2	Tổng quan về thiết bị và dụng cụ.....	3
1.3	Thiết bị thông minh.....	4
1.4	Phạm vi ứng dụng của thiết bị.....	4
1.5	Sự phù hợp.....	4
1.6	Các chất SVHC theo quy định REACH.....	4
1.7	Cơ sở dữ liệu EPREL.....	5
2	Hướng dẫn an toàn chung.....	5
3	Bắt đầu.....	6
3.1	Bật thiết bị.....	6
3.2	Thiết bị lắp ghép.....	7
3.3	Vận hành InfinitySpring*.....	7
4	Quản lý thực phẩm.....	7
4.1	Bảo quản thực phẩm.....	7
4.2	Thời gian lưu trữ.....	8
5	Tiết kiệm năng lượng.....	9
6	Bộ.....	9
6.1	Các thành phần điều khiển và hiển thị.....	9
6.1.1	Hiển thị trạng thái.....	9
6.1.2	Điều hướng.....	9
6.1.3	Biểu tượng.....	9
6.2	Logic vận hành.....	10
6.2.1	Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng.....	10
6.2.2	Chọn giá trị hàm.....	10
6.2.3	Kích hoạt/hủy kích hoạt cài đặt.....	10
6.2.4	Chọn giá trị cài đặt.....	10
6.2.5	Gọi menu khách hàng.....	10
6.3	Tính năng.....	11
	Tắt thiết bị.....	11
	WLAN.....	11
	Nhiệt độ.....	11
	Đơn vị nhiệt độ.....	12
	Giá trị B của BioFresh.....	12
	Giá trị D.....	12
	Siêu Mát Mè.....	12
6.3.8	Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng.....	12
	Chế độ nghỉ lễ.....	12
	Chế độ ngày Sa-bát.....	12
	Tiết kiệm năng lượng.....	13
	HydroBreeze*.....	13
	Chế độ vệ sinh.....	14
	Độ sáng màn hình.....	14
	Deural Alarm.....	14
	Chặn đầu vào.....	14



Ngôn ngữ..... 14



Thông tin..... 14



trí nhớ..... 14



Đặt lại..... 15

6.4

Thông báo lỗi..... 15

6.4.1

Cảnh báo..... 15

6.4.2

Chế độ demo..... 15

7

Thiết bị..... 15

7.1

Bộ điều chỉnh cửa..... 15

7.2

Bộ mang..... 16

7.3

Nền tảng hỗ trợ có thể chia nhỏ..... 17

7.4

VarioSafe..... 17

7.5

Mùa xuân vô cực\*..... 18

7.6

Kệ đựng chai lọ thay đổi được..... 18

7.7

Laden..... 18

7.8

Vỏ bọc an toàn cho trái cây và rau quả..... 19

7.9

Kiểm soát độ ẩm..... 19

7.10

HydroBreeze\*..... 20

7.11

Đĩa thủy tinh..... 20

7.12

Phụ kiện..... 21

8

Bảo trì..... 22

8.1

Bộ lọc than hoạt tính FreshAir..... 22

8.2

Bể chứa nước\*..... 22

8.3

Bộ lọc nước\*..... 23

8.4

Thảo rời/lắp ráp hệ thống trượt ra..... 23

8.5

Rã đông thiết bị..... 24

8.6

Vệ sinh thiết bị..... 24

9

Hỗ trợ khách hàng..... 25

9.1

Dữ liệu kỹ thuật..... 25

9.2

Tiếng ồn khi vận hành..... 25

9.3

Lưu trữ kỹ thuật..... 25

9.4

Dịch vụ khách hàng..... 27

9.5

Biển tên..... 27

10

Thảo dỡ..... 27

11

Xử lý chất thải..... 27


11.1


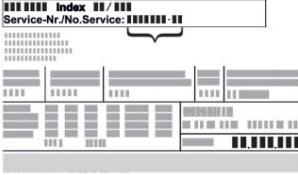




Chuẩn bị thiết bị để thải bỏ..... 27

11.2

Xử lý thiết bị theo cách thân thiện với môi trường..... 28

Nhà sản xuất liên tục làm việc để phát triển hơn nữa của tất cả các loại và mẫu mã. Vì vậy, chúng tôi mong nhận được sự thông cảm của bạn. rằng chúng tôi có quyền thay đổi hình thức, để áp dụng đồ nội thất và công nghệ.

Giải thích biểu tượng	
	<p>Đọc hướng dẫn sử dụng</p> <p>Để tận hưởng tất cả các lợi ích của thiết bị mới của bạn để tìm hiểu về bạn, bạn phải làm theo hướng dẫn trong này đọc kỹ hướng dẫn.</p>

Giải thích biểu tượng	
	Hướng dẫn sử dụng đầy đủ trên Internet Bạn có thể tìm hướng dẫn sử dụng chi tiết trên Internet thông qua mã QR ở mặt trước của hướng dẫn sử dụng hoặc bằng cách nhập số dịch vụ tại <a href="http://home.liebherr.com/fridge-manuals">home.liebherr.com/fridge-manuals</a> .  Số hiệu dịch vụ có thể được tìm thấy trên biển số xe:   Hình. Ví dụ
	Kiểm tra thiết bị Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển không. Nếu bạn có bất kỳ ý kiến hoặc thắc mắc nào, vui lòng liên hệ với nhà phân phối hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng.
	Độ lệch Hướng dẫn sử dụng áp dụng cho các kiểu máy khác nhau, có thể có độ lệch. Các phần chỉ áp dụng cho một số thiết bị nhất định được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*).
	Hướng dẫn hành động và kết quả của hành động  Hướng dẫn hành động được chỉ ra bởi một . ▶  Kết quả của hành động được biểu thị bằng dấu . ▷
	Video của Bạn có thể tìm thấy video về các thiết bị này trên kênh YouTube Liebherr-Hausgeräte.

Hướng dẫn này áp dụng cho:

RB (sd) (bs) (st) (c) (d)	52.. (i)
<small>www.liebherr.com</small>	52.. (tôi)

## 1 Tổng quan về thiết bị

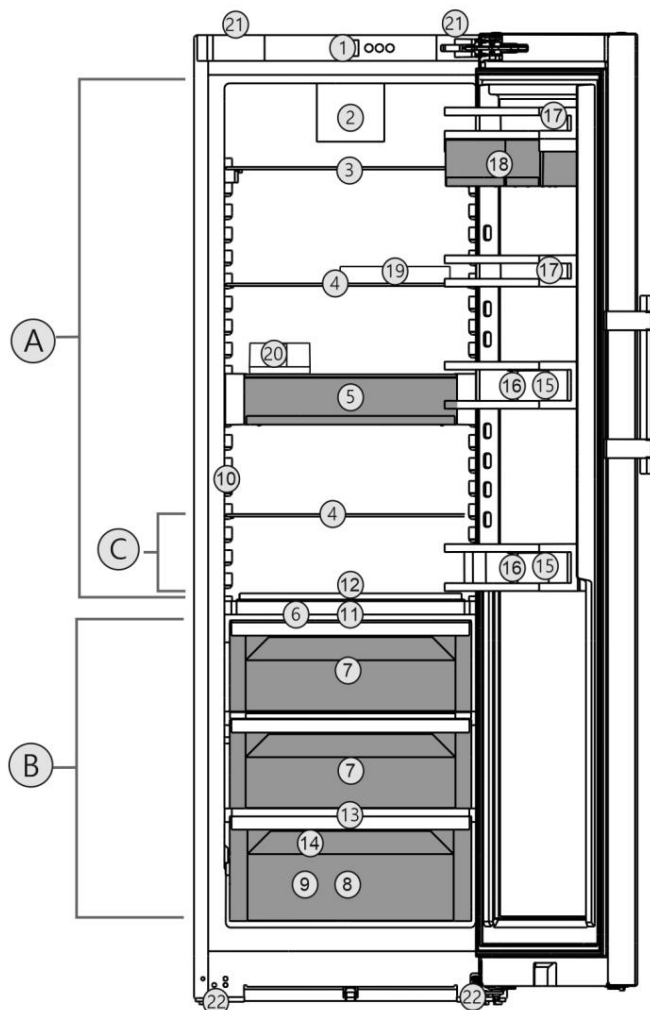
### 1.1 Phạm vi giao hàng

Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển không. Nếu bạn có bất kỳ ý kiến hoặc đề xuất nào, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc bộ phận dịch vụ khách hàng (xem mục 9.4 Dịch vụ khách hàng).

Việc giao hàng bao gồm các phần sau:

- Thiết bị thẳng đứng
- Trang thiết bị (tùy theo từng model)
- Vật liệu lắp đặt (tùy theo mẫu)
- „Hướng dẫn bắt đầu nhanh“
- „Hướng dẫn cài đặt“
- Tờ rơi dịch vụ

### 1.2 Tổng quan về thiết bị và trang thiết bị



Hình 1 Màn hình mẫu Phạm vi

nhiệt độ (C) Vùng lạnh nhất

- (A) Phần làm mát  
(B) Sinh học tươi

Thiết bị

- |   |  |
|---|--|
| (1) Kiểm soát                               | (12) Kệ đựng chai có thể thay đổi                            |
| (2) Quạt có Fres-Bộ lọc than hoạt tính hAir | (13) Cửa thoát nước  |
| (3) Khay đựng có thể chia nhỏ               | (14) Biển tên  |
| (4) Bộ mang                                 | (15) Giá để chai   |
| (5) VarioAn toàn                            | (16) Giá đựng chai   |
| (6) Nắp Trái cây & Rau-table-An toàn        | (17) Conservernek  |
| (7) An toàn cho trái cây và rau quả         | (18) VarioBox  |
| (8) Thịt & Sữa-An toàn                      | (19) Giá đựng trứng  |
| (9) Cá & Hải sản-An toàn* (20) Botervloot   |  |
| (10) Mùa xuân vô cực*                       | (21) Quai xách ở trên (sau) và dưới (trước)                  |
| (11) Gió thổi thủy lực*                     | (22) Chân điều chỉnh phía trước, bánh xe vận chuyển phía sau |

Lưu ý: Các

kệ, ngăn kéo hoặc giỏ được bố trí để đạt hiệu quả năng lượng tối ưu trong điều kiện giao hàng.

Tuy nhiên, những thay đổi về cách bố trí trong các tùy chọn chèn nhất định, ví dụ như các kệ trong ngăn làm mát, không ảnh hưởng đến mức tiêu thụ năng lượng.

## Thiết bị nhìn thoáng qua

### 1.3 Thiết bị thông minh

SmartDevice là giải pháp mạng cho thiết bị làm mát của bạn.

Nếu thiết bị của bạn tương thích với SmartDevice hoặc đã sẵn sàng sử dụng, bạn có thể tích hợp thiết bị của mình vào WLAN một cách nhanh chóng và dễ dàng. Ứng dụng SmartDevice cho phép bạn điều khiển thiết bị của mình từ thiết bị di động. Các chức năng bổ sung và tùy chọn cài đặt có sẵn trong ứng dụng SmartDevice.

Thiết bị thông minh- Thiết bị của bạn được trang bị deviceBox tương thích với SmartDevice. Để kết nối thiết bị của bạn với WLAN, bạn phải tải xuống ứng dụng để sử dụng với SmartDeviceBox. Trước tiên, bạn cần mua

ở phía trước SmartDeviceBox rồi cài đặt. Để kết nối thiết bị của Thiết bị được SmartDevice bạn với WLAN, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.\* chuẩn bị:\*



Thông tin thêm về SmartDevice:

[smartdevice.liebherr.com](http://smartdevice.liebherr.com)

SmartDeviceBox trong Liebherr-

[home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html)\*

Cửa hàng đồ gia dụng mua:\*

Tải xuống ứng dụng SmartDevice:



Sau khi cài đặt và cấu hình ứng dụng SmartDevice, bạn có thể tích hợp thiết bị của mình vào WLAN bằng ứng dụng SmartDevice và chức năng thiết bị WLAN (xem WLAN).

Lưu ý Bạn

không thể sử dụng SmartDeviceBox ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan. Chức năng SmartDevice không khả dụng.

### 1.4 Phạm vi ứng dụng của thiết bị Mục đích sử dụng Thiết bị

chỉ phù hợp để làm mát thực phẩm phục vụ mục

đích gia dụng hoặc mục đích tương tự. Ví dụ, điều này bao gồm việc sử dụng - trong bếp riêng, cơ sở ăn sáng, - bởi khách ở nhà nghỉ, khách sạn, nhà nghỉ và các nơi lưu trú khác, - trong dịch vụ ăn uống và

các dịch vụ tương tự trong ngành bán buôn.

Thiết bị này không thích hợp để đông lạnh thực phẩm.

Thiết bị này không được thiết kế để sử dụng như một thiết bị âm tường.

Mọi mục đích sử dụng khác đều không được phép.

Sử dụng sai mục đích có thể lường trước

Các ứng dụng sau đây bị nghiêm cấm: - Lưu trữ và làm mát thuốc, huyết

tương, chế phẩm xét nghiệm hoặc các chất và sản phẩm tương tự dựa trên Chỉ thị về thiết bị y tế Châu Âu 2007/47/EC - Sử dụng ở những khu vực có khả năng nổ Sử dụng thiết bị không đúng cách có thể dẫn đến hư hỏng hàng hóa được lưu trữ hoặc làm giảm chất lượng hàng hóa.

Phân loại khí hậu

Tùy thuộc vào phân loại khí hậu, thiết bị có thể được sử dụng ở nhiệt độ môi trường hạn chế. Loại khí hậu áp dụng cho thiết bị của bạn được ghi trên nhãn sản phẩm.

Lưu ý Để đảm

bảo hoạt động không gặp sự cố, nhiệt độ môi trường xung quanh phải được duy trì ở mức quy định.

Lớp khí hậu cho nhiệt độ môi trường xung quanh	
SN	10 °C đến 32 °C
N	16 °C đến 32 °C
ST	16 °C đến 38 °C
T	16 °C đến 43 °C
SN-ST	10 °C đến 38 °C
SN-T	10 °C đến 43 °C

### 1.5 Sự phù hợp

Mạch làm mát đã được kiểm tra xem có rò rỉ không. Thiết bị tuân thủ các quy định về an toàn hiện hành và các chỉ thị có liên quan.

Đối với EU- thiết bị tuân thủ Chỉ thị 2014/53/EU.\*  
thị trường:\*

Đối với GB- thiết bị tuân thủ Quy định về thiết bị vô tuyến năm 2017 SI 2017 số 1206.\*  
thị trường:\*

Toàn văn tuyên bố về sự phù hợp của EU có sẵn tại địa chỉ internet sau: [www.Liebherr.com](http://www.Liebherr.com)

Ngăn BioFresh đáp ứng các yêu cầu của ngăn làm mát theo tiêu chuẩn DIN EN 62552:2020.

### 1.6 Các chất SVHC theo Quy định REACH

Bạn có thể kiểm tra xem thiết bị của mình có chứa chất SVHC theo quy định REACH hay không theo liên kết sau: [home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nachhaltigkeit/umwelt/scip/scip.html](http://home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nachhaltigkeit/umwelt/scip/scip.html)

## 1.7 Cơ sở dữ liệu EPREL

Từ ngày 1 tháng 3 năm 2021, thông tin về nhãn tiêu thụ năng lượng và yêu cầu thiết kế sinh thái có thể được tìm thấy trong Cơ sở dữ liệu sản phẩm châu Âu (EPREL). Bạn có thể truy cập cơ sở dữ liệu sản phẩm thông qua liên kết <https://eprel.ec.europa.eu/>. Tại đây bạn sẽ được yêu cầu nhập mã nhận dạng mô hình. Có thể tìm thấy mã số model trên bảng tên.

## 2 Hướng dẫn an toàn chung

Vui lòng cất giữ hướng dẫn này ở nơi an toàn để bạn có thể tham khảo bất cứ lúc nào.

Nếu bạn chuyển giao thiết bị, vui lòng chuyển luôn hướng dẫn sử dụng cho chủ sở hữu tiếp theo.

Để sử dụng thiết bị đúng cách và an toàn, vui lòng đọc kỹ hướng dẫn này trước khi sử dụng. Luôn tuân theo các hướng dẫn, biện pháp phòng ngừa an toàn và cảnh báo có trong đây.

Những điều này rất quan trọng để đảm bảo việc lắp đặt và sử dụng thiết bị an toàn và không gặp sự cố.

Nguy hiểm cho người sử dụng: - Trẻ em

và những người có khả năng thể chất, giác quan hoặc tinh thần hạn chế hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức đều có thể sử dụng thiết bị này nếu họ được giám sát hoặc hướng dẫn sử dụng thiết bị một cách an toàn và nếu họ biết và hiểu được những mối nguy hiểm liên quan.

Trẻ em không được chơi đùa với thiết bị này. Trẻ em không được phép tự ý vệ sinh và bảo trì nếu không có sự giám sát. Trẻ em từ 3-8 tuổi có thể tự tháo lắp thiết bị. Trẻ em dưới 3 tuổi không được phép lại gần thiết bị này trừ khi có người giám sát liên tục.

- Ổ cắm phải dễ tiếp cận để có thể nhanh chóng ngắt kết nối thiết bị khỏi nguồn điện trong trường hợp khẩn cấp. Bộ phận này phải nằm ở phía ngoài mặt sau của thiết bị.

- Khi rút phích cắm thiết bị ra khỏi ổ cắm điện, hãy luôn cầm phích cắm. Không được kéo dây.

- Trong trường hợp xảy ra lỗi, hãy rút phích cắm của thiết bị hoặc tắt thiết bị an toàn.

- Không làm hỏng dây nguồn. Không sử dụng thiết bị nếu dây nguồn bị lỗi.

- Việc sửa chữa và can thiệp vào thiết bị chỉ được thực hiện bởi bộ phận chăm sóc khách hàng hoặc nhân viên chuyên môn được đào tạo khác.

- Chỉ lắp đặt, kết nối và thải bỏ thiết bị theo đúng mô tả trong sách hướng dẫn.

- Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về thiệt hại do kết nối không đúng với nguồn nước.\* Nguy cơ cháy nổ: - Chất làm mát được sử dụng (dữ liệu trên biển loại) thân thiện với môi trường nhưng

đễ cháy. Chất làm mát rò rỉ có thể gây cháy. • Không làm hỏng các đường ống mạch làm mát. • Tránh xử lý các nguồn gây cháy bên trong thiết bị.

- Không sử dụng các thiết bị điện bên trong thiết bị (ví dụ: máy vệ sinh bằng hơi nước, máy sưởi, máy làm đá, v.v.).
- Nếu chất làm lạnh bị rò rỉ: Loại bỏ ngọn lửa hoặc nguồn gây cháy gần nơi rò rỉ. Thông gió tốt cho căn phòng.

Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng.

- Không lưu trữ các chất nổ hoặc bình xịt có chứa chất đẩy dễ cháy như butan, propan, pentan, v.v. trong thiết bị. Những bình xịt này có thể được nhận biết thông qua thành phần ghi trên bao bì hoặc biểu tượng ngọn lửa. Bất kỳ khí nào thoát ra đều có thể bắt lửa do các thành phần điện.

- Để nền, đèn và các vật dụng có ngọn lửa khác tránh xa thiết bị để tránh gây cháy thiết bị.

- Đồ uống có cồn hoặc các vật chứa chứa cồn khác chỉ được bảo quản khi đã đậy kín.

Bất kỳ chất cồn nào thoát ra đều có thể gây cháy các bộ phận điện.

Nguy cơ rơi và lật đổ: - Không sử dụng bệ đỡ, ngăn kéo, cửa, v.v. làm chỗ để chân hoặc để dựa vào. Điều này đặc biệt đúng với trẻ em.

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm: - Không sử dụng thực phẩm đã bảo quản quá lâu.

## Đưa vào sử dụng

Nguy cơ tê cóng, tê liệt và đau: - Tránh tiếp xúc

da thường xuyên với bề mặt lạnh hoặc các sản phẩm được làm mát/đông lạnh hoặc thực hiện các biện pháp bảo vệ, ví dụ như sử dụng găng tay.

Nguy cơ thương tích và thiệt hại: - Hơi nước nóng có thể gây thương tích.

Không sử dụng lò sưởi điện hoặc máy làm sạch bằng hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt rửa đồng để rửa đồng.

- Không dùng vật sắc nhọn để lấy đá ra của ai.

Nguy cơ kẹt:

- Không nắm vào bản lề khi mở và đóng cửa. Các ngón tay có thể bị kẹt.

Các ký hiệu trên thiết bị:



Biểu tượng có thể nằm trên máy nén. Nó liên quan đến dầu trong máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm sau: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp. Hướng dẫn này chỉ áp dụng cho quá trình tái chế. Ở chế độ bình thường không có nguy hiểm.



Biểu tượng này nằm trên máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm của các chất dễ cháy. Không gỡ bỏ nhãn dán.



Nhãn này hoặc nhãn tương tự có thể nằm ở mặt sau của thiết bị. Điều này cho biết có các tấm cách nhiệt chân không (VIP) hoặc tấm đá trên châu trong cửa và/hoặc vỏ cửa.

Hướng dẫn này chỉ áp dụng cho quá trình tái chế. Không gỡ bỏ nhãn dán.

Vui lòng tuân thủ các cảnh báo cụ thể và các hướng dẫn cụ thể khác trong các chương khác:

	SỰ NGUY HIỂM	biểu thị mối nguy hiểm tức thời, nếu không tránh được sẽ dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng. chỉ ra một tình huống nguy hiểm, nếu không tránh được có thể dẫn
	Ở ĐÃ U-ĐỒNG HỒ	đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.
	THẬN TRỌNG	chỉ ra một tình huống nguy hiểm, nếu không tránh được, có thể gây ra thương tích nhẹ hoặc trung bình.
	Lưu ý	chỉ ra một tình huống nguy hiểm, nếu không tránh được có thể dẫn đến thiệt hại về vật chất.

Gợi ý cho biết thông tin và mẹo hữu ích.

## 3 Đưa vào sử dụng

### 3.1 Bật thiết bị

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Thiết bị được lắp đặt và kết nối theo đúng hướng dẫn lắp đặt. q Tắt cả các dải gắn, lớp keo dán, màng bảo vệ và thiết bị bảo vệ khi vận chuyển bên trong và trên thiết bị đã được tháo bỏ.

q Tắt cả các tờ quảng cáo đã được lấy ra khỏi ngăn kéo.



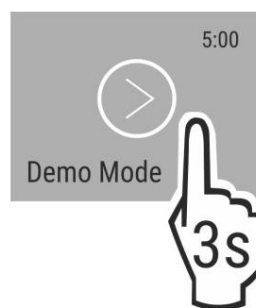
Hình 2  
u Bật thiết bị thông qua màn hình.



Hình 3  
u Chọn ngôn ngữ.  
w Màn hình trạng thái xuất hiện.

Thiết bị khởi động ở DemoMode: Nếu

thiết bị khởi động ở DemoMode, bạn có thể hủy kích hoạt DemoMode trong vòng 5 phút tiếp theo.



Hình 4  
u Nhấn DemoMode trong 3 giây. w DemoMode đã bị vô hiệu hóa.

Lưu ý Nhà sản

xuất khuyến cáo: u Để đặt

thực phẩm: đợi khoảng 6 giờ cho đến khi chén  
đã đạt đến nhiệt độ cài đặt.

## 3.2 Lắp đặt thiết bị

Lưu ý Phụ kiện

có sẵn tại Cửa hàng đồ gia dụng Liebherr tại [home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html).

u Lắp đặt thiết bị kèm theo để tận dụng tối đa công suất của thiết bị. u  
Lắp đặt bình chứa nước  
(xem 8.2.2 Sử dụng bình chứa nước) .\* u Lắp đặt bộ lọc nước (xem Lắp đặt) .\*  
u Lắp đặt khay  
hứng nước (xem 8.2.3 Khay hứng nước) 8.3.2 Bộ lọc nước

(lấy ra / bỏ vào lại) .\*

## 3.3 Vận hành InfinitySpring\*

Nếu thiết bị của bạn có InfinitySpring, bạn phải mở hệ thống nước  
InfinitySpring và vệ sinh InfinitySpring trước khi sử dụng lần đầu .

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: q Đã kết nối nước. Xem Hướng dẫn cài  
đặt hoặc

hướng dẫn lắp ráp.

q Đã lắp đặt bồn chứa nước. Xem Hướng dẫn cài đặt hoặc  
hướng dẫn lắp ráp.

q Đã lắp đặt bộ lọc nước. Xem Hướng dẫn cài đặt hoặc hướng dẫn lắp ráp.\*  
q Thiết bị đã được  
kết nối hoàn toàn.

3.3.1 Xả nước trong hệ thống u Mở cửa thiết bị. u

Cốc uống nước đặt ở đáy

InfinitySpring-

máy ép. Phần trên di

chuyển ra ngoài và không khí chảy ra hoặc nước chảy vào trong cốc. u Tiếp  
tục quá trình cho đến khi nước  
chảy vào cốc thành dòng đều đặn. Hệ thống nước đã bị rò rỉ.

3.3.2 Vệ sinh InfinitySpring (xem 8.6.5 Vệ

sinh InfinitySpring\*)

## 4 Quản lý thực phẩm

### 4.1 Bảo quản thực phẩm



CẢNH BÁO Nguy cơ hỏa

hoạn u Không

sử dụng các thiết bị điện trong ngăn chứa thực phẩm của thiết bị trừ khi  
nhà sản xuất khuyến nghị sử dụng cho mục đích này.

Lưu ý: Mức

tiêu thụ năng lượng tăng và khả năng làm mát giảm nếu thông gió không đủ. u  
Luôn giữ lỗ thông gió thông thoáng.

Khí bảo quản thực phẩm, hãy đảm bảo rằng: q Các lỗ thông gió ở  
phía sau không bị cản trở. q Các lỗ thông gió trên quạt thông  
thoáng.

q Thực phẩm được đóng gói đúng cách. q Thực

phẩm dễ hấp thụ hoặc giải phóng mùi hoặc vị được bảo quản trong hộp kín  
hoặc có nắp đậy.

q Thịt hoặc cá sống được bảo quản trong hộp đựng sạch, kín để không tiếp  
xúc với các thực phẩm khác hoặc nhỏ giọt vào các thực phẩm khác.

q Chất lỏng được đựng trong bình kín. q Thực phẩm được bảo  
quản ở khoảng cách xa để không khí có thể lưu thông tốt.

Lưu ý: Không

tuần thủ thông tin này có thể dẫn đến hư hỏng thực phẩm.

4.1.1 Bộ phận làm mát Do sự

lưu thông không khí tự nhiên nên có các vùng nhiệt độ khác nhau.

Sắp xếp đồ tạp hóa: u Ở khu vực

phía trên và trong cửa: Bơ và tiền mặt,  
bảo quản trong ống.

u Ở vùng lạnh nhất Hình 1 (C): Thực phẩm dễ hỏng như đồ ăn chế biến sẵn.

4.1.2 Sinh học tươi

Công nghệ BioFresh đảm bảo một số loại thực phẩm tươi sống có thể  
được bảo quản lâu hơn so với phương pháp làm lạnh thông thường.

Đối với thực phẩm có thông tin về thời hạn sử dụng tối thiểu, ngày ghi trên bao  
bì luôn được áp dụng.

Lưu ý Nếu

nhiệt độ xuống dưới 0 °C, thực phẩm có thể bị đông cứng. u Các loại rau củ nhạy  
cảm với lạnh như dưa

chuột, cà tím, bí xanh và trái cây sấy khô nên được bảo quản trong tủ lạnh.

An toàn cho trái cây và rau



quả Bạn có thể thiết lập một bầu không khí trong lành tuyệt vời khi đóng  
nắp. Khí hậu ẩm thích hợp để bảo quản các loại thực phẩm không đóng gói có  
hàm lượng ẩm cao (ví dụ như salad, rau và trái cây).

Độ ẩm trong ngăn kéo phụ thuộc vào lượng hàng hóa lạnh được đặt trong ngăn  
kéo cũng như tần suất đóng mở ngăn kéo. Bạn có thể kiểm soát độ ẩm.

Sắp xếp thực phẩm: u Đặt trái cây

và rau củ chưa mở gói vào. u Độ ẩm quá cao: Điều chỉnh

độ ẩm (xem mục 7.9 Kiểm soát độ ẩm).

Thịt và sữa an toàn Khí



hậu ở đây tương đối khô. Khí hậu khô thích hợp cho thực phẩm khô hoặc đóng gói  
(ví dụ như các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, xúc xích).\* Khí hậu ở đây tương đối  
khô. Khí hậu khô thích hợp cho thực phẩm khô hoặc

đóng gói (ví dụ như các sản phẩm từ sữa, thịt, xúc xích).\* Sắp xếp thực phẩm:  
u Đặt thực phẩm khô hoặc đóng gói.

Cá & Hải sản an toàn

-2°C | 0°C



Khí hậu lưu trữ ở đây tương đối khô. Khí hậu này thích hợp cho thực phẩm  
khô hoặc đóng gói (ví dụ như các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, hải sản, xúc  
xích).

Ngăn chứa có khay đựng Cá & Hải sản có thể di chuyển hoặc tháo rời.

## Quản lý thực phẩm

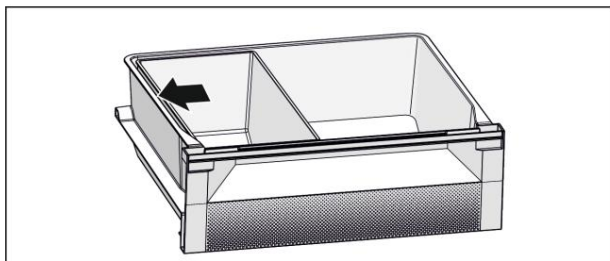
Nhiệt độ có thể được điều chỉnh thông qua màn hình hiển thị trên bảng điều khiển bảng điều khiển được thiết lập. Một sự phân chia thành các phần khác nhau vùng nhiệt độ chỉ có thể có nếu thang đo là được đặt. (xem Nhiệt độ)

Có thể có các tổ hợp nhiệt độ sau:



Hình

5. Tổ chức thực phẩm:



Hình 6

Đặt khay Cá & Hải sản vào. Ở vị trí được hiển thị chức năng làm mát đang hoạt động tối ưu (xem Hình 6).

u Vùng -2 °C: Đặt hải sản hoặc cá tươi.

u Vùng 0 °C: Đặt các sản phẩm từ sữa hoặc thịt đóng gói vào đó.

Chỉ định

Tiêu thụ năng lượng tốt nhất đạt được với sự kết hợp nhiệt độ nhiệt độ 0 °C / 0 °C.

ở nhiệt độ kết hợp -2 °C / 0 °C và -2 °C /

-2 °C mức tiêu thụ năng lượng tăng nhẹ.

### 4.2 Thời gian lưu trữ

Thời gian lưu trữ nêu trên chỉ mang tính chất hướng dẫn.

Đối với thực phẩm có thông tin về thời hạn sử dụng tối thiểu chế độ bảo hành ghi trên bao bì luôn được áp dụng dữ liệu.

#### 4.2.1 Phần làm mát

Thời hạn sử dụng tối thiểu trên bao bì là ứng dụng.

#### 4.2.2 Sinh học tươi

Giá trị hướng dẫn về thời gian bảo quản trong Meat & Dairy-Safe* Giá trị tham chiếu cho thời gian lưu trữ khi ngừng hoạt động Độ ẩmPlus*		
bơ	ở 1 °C	lên đến 90 ngày
pho mát cứng	ở 1 °C	lên đến 110 ngày
sữa	ở 1 °C	lên đến 12 ngày
xúc xích, phô lên trên	ở 1 °C	lên đến 8 ngày
gia cầm	ở 1 °C	lên đến 6 ngày
thịt lợn	ở 1 °C	lên đến 6 ngày
thịt bò	ở 1 °C	lên đến 6 ngày
hoang dã	ở 1 °C	lên đến 6 ngày

Chỉ định

u Xin lưu ý: Thực phẩm giàu protein sẽ nhanh hỏng hơn.  
tức là động vật có vỏ hư hỏng nhanh hơn cá và cá hư hỏng nhanh hơn  
hơn thịt.

Hướng dẫn về thời gian bảo quản trong Trái cây & Rau quả- An toàn*		
Giá trị tham chiếu cho thời gian lưu trữ với Humi- được kích hoạt dityPlus*		
rau, xà lách		
atisô	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
cần tây	ở 1 °C	lên đến 28 ngày
súp lơ	ở 1 °C	lên đến 21 ngày
Súp lơ xanh	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
rau diếp xoăn	ở 1 °C	lên đến 27 ngày
rau diếp cầu	ở 1 °C	lên đến 19 ngày
đậu Hà Lan	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
cải xoăn	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
rễ cây	ở 1 °C	lên đến 80 ngày
tỏi	ở 1 °C	lên đến 160 ngày
cải bắp	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
rau xà lách	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
gia vị	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
tỏi tây	ở 1 °C	lên đến 29 ngày
nấm củ cải củ	ở 1 °C	lên đến 7 ngày
brussels	ở 1 °C	lên đến 10 ngày
	ở 1 °C	lên đến 20 ngày
măng tây	ở 1 °C	lên đến 18 ngày
rau chân vịt	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
savoy	ở 1 °C	lên đến 20 ngày
Hoa quả		
quả mơ	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
gọi	ở 1 °C	lên đến 80 ngày
quả lê	ở 1 °C	lên đến 55 ngày
quả mâm xôi	ở 1 °C	lên đến 3 ngày
ngày tháng	ở 1 °C	lên đến 180 ngày
đâu tây	ở 1 °C	lên đến 7 ngày
quả sung	ở 1 °C	lên đến 7 ngày
quả việt quất	ở 1 °C	lên đến 9 ngày
quả mâm xôi	ở 1 °C	lên đến 3 ngày
nho đỏ	ở 1 °C	lên đến 7 ngày
anh đào, ngọt	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
kiwi	ở 1 °C	lên đến 80 ngày
đào	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
quả mận	ở 1 °C	lên đến 20 ngày
quả nam việt quất	ở 1 °C	lên đến 60 ngày
đại hoàng	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
quả lý gai	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
quả nho	ở 1 °C	lên đến 29 ngày



Hướng dẫn về thời gian bảo quản trong Cá & Hải sản- An toàn*		
hải sản		
tôm càng	ở -2 °C	lên đến 4 ngày
trafi	ở -2 °C	lên đến 6 ngày
món sushi	ở -2 °C	lên đến 4 ngày
văn	ở -2 °C	lên đến 4 ngày

## 5 Tiết kiệm năng lượng

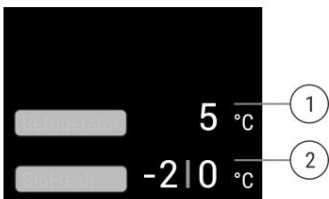
- Luôn chú ý đến việc thông gió. Đậy nắp lỗ thông gió tương tự như nungen. -không tắt lưới điện.
- Luôn giữ cho các lỗ thông gió thông thoáng.
- Không đặt thiết bị gần bếp, lò sưởi hoặc các thiết bị tương tự và không để thiết bị tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.
- Mức tiêu thụ năng lượng phụ thuộc vào điều kiện lắp đặt như nhiệt độ môi trường (xem mục 1.4 Phạm vi ứng dụng của thiết bị). Ở nhiệt độ môi trường ấm hơn, mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng lên.
- Nếu có thể, hãy mở thiết bị trong thời gian ngắn nhất có thể.
- Nhiệt độ cài đặt càng thấp thì mức tiêu thụ điện năng càng cao.
- Thực phẩm được phân loại [tại home.liebherr.com/food](http://tati.home.liebherr.com/food) sắp xếp:
- Bảo quản tất cả thực phẩm được bọc và đậy kín đúng cách. Ngăn ngừa hiện tượng ngưng tụ.
- Lấy thức ăn ra lâu nhất có thể để nó đứng quá nóng.
- Đặt đĩa nóng: trước tiên cho đến khi đạt đến nhiệt độ phòng để thấp nguội.
- Đối với những kỳ nghỉ dài hơn, hãy sử dụng HolidayMode (xem HolidayMode).

## 6 Bộ

### 6.1 Các yếu tố vận hành và hiển thị

Màn hình cho phép bạn xem nhanh cài đặt nhiệt độ và trạng thái của các chức năng và cài đặt. Bạn chọn chức năng hoặc cài đặt chức năng bằng cách kích hoạt/hủy kích hoạt hoặc chọn một giá trị.

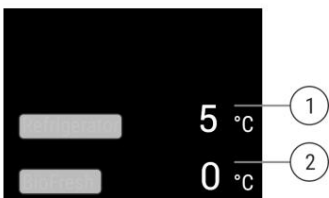
#### 6.1.1 Hiển thị trạng thái



Hình

7 (1) Hiển thị nhiệt độ của ngăn làm mát\*

(2) Chỉ báo nhiệt độ Sinh học tươi (An toàn cho cá và hải sản)\*



Hình 8







(1) Hiển thị nhiệt độ của ngăn tủ lạnh\* Màn hình

(2) Chỉ báo nhiệt độ BioFresh\*

trạng thái hiển thị nhiệt độ đã cài đặt và là màn hình hiển thị ban đầu. Từ đây bạn có thể điều hướng đến các chức năng và cài đặt.






#### 6.1.2 Điều hướng

Bạn có thể truy cập từng chức năng thông qua điều hướng menu. Sau khi xác nhận chức năng hoặc cài đặt, sẽ có tiếng báo hiệu. Nếu không có lựa chọn nào được thực hiện sau 10 giây, màn hình sẽ chuyển sang màn hình Trạng thái.

Điều hướng	Sự miêu tả
	Vòi ngắn Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng. Xác nhận lựa chọn. Mở menu phụ.
	Nhấn và giữ trong 3 giây để Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng. Thanh tăng/giảm sẽ xuất hiện trên màn hình. Xác nhận lựa chọn. Đặt lại thiết bị/giá trị. Bật/tắt thiết bị.
  	Vuốt Điều hướng trong menu. Tìm kiếm giá trị.
	Chạm nhanh vào chế độ Xem lại để quay lại một cấp độ.
Không có gì xảy ra trong 10 giây	Hiện thị những thay đổi trong chỉ báo Trạng thái.

#### 6.1.3 Biểu tượng

Các biểu tượng cung cấp thông tin về trạng thái hiện tại của thiết bị.



Biểu tượng	Tình trạng của thiết bị
	Thiết bị chờ hoặc vùng nhiệt độ đã tắt.
	Số nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Nhiệt độ nhấp nháy cho đến khi đạt đến giá trị cài đặt.
	
	Biểu tượng nhấp nháy
	Thiết bị đang hoạt động. Đang trong quá trình thiết lập.

# BỘ

## 6.2 Logic hoạt động

### 6.2.1 Kích hoạt / hủy kích hoạt chức năng


Có thể kích hoạt/hủy kích hoạt các chức năng sau:

Biểu tượng	Chức năng
	Siêu Coolx
	Chế độ nghỉ lễ
	Tiết kiệm năng lượng
	Thủy tinh*
	Độ ẩmPlus*

x Khi chức năng này hoạt động, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Điều này có thể tạm thời làm cho tiếng ồn khi vận hành của thiết bị lớn hơn và làm tăng mức tiêu thụ năng lượng. u Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi chức năng được hiển thị. u Xác nhận chức năng đã chọn bằng cách chạm nhẹ vào chức năng đó. w Một âm thanh xác nhận sẽ vang lên. Trạng thái được hiển thị trong menu. Chức năng w được kích hoạt/hủy kích hoạt.

### 6.2.2 Chọn giá trị hàm

Có thể thiết lập giá trị trong menu phụ cho các chức năng sau:






Biểu tượng	Chức năng
	Cài đặt nhiệt độ Bật/tắt thiết bị



u Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi chức năng được hiển thị. u Xác nhận chức năng đã chọn bằng cách chạm nhẹ vào chức năng đó. u Chọn giá trị cài đặt bằng cách vuốt trên màn hình đất.

u Xác nhận giá trị đã chọn bằng cách chạm nhẹ.

### 6.2.3 Kích hoạt/hủy kích hoạt cài đặt Có thể kích hoạt/hủy kích

hoạt các cài đặt sau:

Biểu tượng	Cài đặt
	WiFi1
	Khởi đầu vào 2
	Ngày Sa-bát2
	Chế độ vệ sinh2
	Bộ nhớ1

Biểu tượng	Cài đặt
	Đặt lại2
	Vô hiệu hóa 2

u Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi cài đặt





lings đ được hiển thị. u Xác nhận cài đặt bằng cách chạm vào. u Vuốt cho đến khi cài đặt mong muốn xuất hiện.

<sup>1</sup> Kích hoạt cài đặt (nhấn phím tắt) u Xác nhận bằng cách chạm. w Một âm thanh xác nhận sẽ vang lên. Trạng thái được hiển thị trong menu. w Cài đặt được kích hoạt/hủy kích hoạt.

<sup>2</sup> Kích hoạt cài đặt (nhấn lâu) u Nhấn và giữ lựa chọn trong 3 giây để xác nhận. w Một âm thanh xác nhận sẽ vang lên. Trạng thái được hiển thị trong menu. w Màn hình đang thay đổi.

### 6.2.4 Chọn giá trị cài đặt Có thể cài đặt giá

trị trong menu phụ cho các cài đặt sau:

Biểu tượng	Các tổ chức
	Độ sáng
	Deuralarm
	Đơn vị nhiệt độ
	Ngôn ngữ




u Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi cài đặt

lings đ được hiển thị. u Xác nhận cài đặt bằng cách chạm vào. u Vuốt cho đến khi cài đặt mong muốn xuất hiện. u Xác nhận bằng cách chạm vào. u Vuốt để chọn cài đặt mong muốn trên màn hình chọn giá trị. u Xác nhận

bằng cách chạm vào. w Một âm thanh xác nhận sẽ vang lên. Trạng thái được hiển thị ngắn gọn trên menu phụ. w Màn hình trở về menu.

### 6.2.5 Gọi menu khách hàng Các thiết lập sau có

thể được gọi trong menu khách hàng:

Biểu tượng	Chức năng
	Giá trị B của BioFresh 1
	Giá trị D 1
	Phần mềm

u Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi Cài đặt xuất hiện. u Chạm vào Cài đặt.

w Menu phụ xuất hiện. u Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi thông tin về thiết bị xuất hiện. nhấn và giữ trong 3 giây. w Menu nhập mã số sẽ xuất hiện. u Nhập mã 151. w Menu khách hàng xuất hiện. u Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi đạt được cài đặt mong muốn.

ling xuất hiện.

1 Chọn giá trị u

Để xác nhận, hãy chạm nhẹ. w Một âm thanh xác nhận sẽ vang lên. Trạng thái được hiển thị ngắn gọn trên màn hình. w Màn hình trở về menu.

2 Kích hoạt cài đặt u Để xác nhận, nhấn màn hình trong 3 giây ấn tượng.

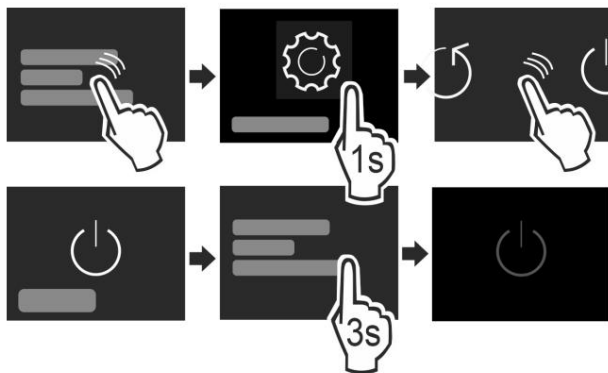
w Một âm thanh xác nhận sẽ vang lên. Trạng thái được hiển thị trên màn hình. Biểu tượng w nhấp nháy trong suốt thời gian thiết bị hoạt động.

### 6.3 Chức năng

#### Tắt thiết bị

Cài đặt này cho phép bạn tắt toàn bộ thiết bị.

Tắt toàn bộ thiết bị



Hình 9

u Kích hoạt/hủy kích hoạt (xem 6.2 Logic vận hành). w Tắt: Màn hình chuyển sang màu đen.

#### Mạng WLAN

Chức năng này kết nối thiết bị của bạn với WLAN. Sau đó, bạn có thể vận hành nó thông qua ứng dụng SmartDevice trên thiết bị di động. Chức năng này cũng cho phép bạn ngắt kết nối hoặc thiết lập lại kết nối WLAN. Để kết nối thiết bị của bạn với WLAN, bạn cần có SmartDeviceBox. Thông tin thêm về SmartDeviceBox và cách sử dụng ứng dụng SmartDevice: (xem 1.3 SmartDevice)

Lưu ý Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan. Chức năng SmartDevice không khả dụng.

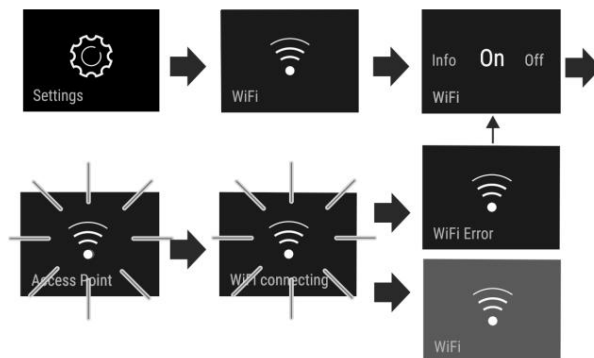
#### Thiết lập kết nối WLAN Đảm bảo

đáp ứng các điều kiện sau: q SmartDeviceBox đã được mua và cài đặt. (xem 1.3 SmartDevice) \* Ứng dụng q SmartDevice là [apps.home.liebherr.com](https://apps.home.liebherr.com).

đã cài đặt

(chỉ thấy)

q Đã hoàn tất việc đăng ký trên ứng dụng SmartDevice.

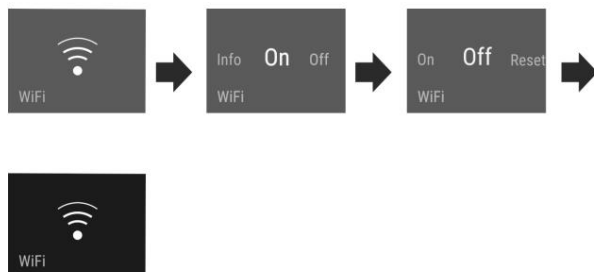


Hình 10

u Kích hoạt cài đặt. (xem 6.2 Logic vận hành) w Kết nối đang được thiết lập: Kết nối được hiển thị để cho. Biểu tượng đang nhấp nháy. w Kết nối được thiết lập: Wifi xuất hiện, màn hình chuyển sang màu xanh.

w Kết nối không thành công: Lỗi WiFi được hiển thị.

Ngắt kết nối WLAN u Hủy kích hoạt cài đặt. (xem 6.2 Logic vận hành)



Hình 11 w

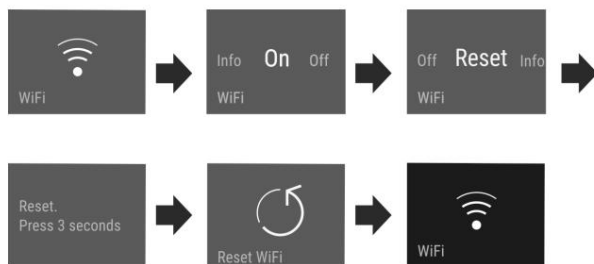
Mất kết nối: thanh biểu tượng.



là khả năng hiển thị liên tục.

Đặt lại kết nối WLAN u Đặt lại

cài đặt. (xem 6.2 Logic vận hành)



Hình 12

w Kết nối và các thiết lập khác cũng được lưu trên Thiết lập lại điều kiện giao hàng.

#### 5 °C Nhiệt độ

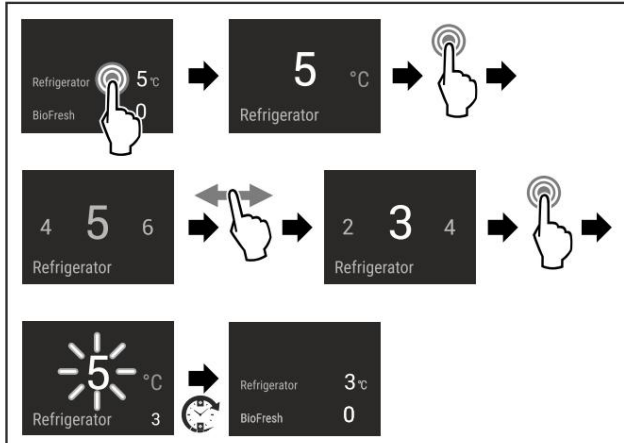
Nhiệt độ phụ thuộc vào các yếu tố sau: - tần suất mở cửa - thời gian mở cửa

# BỘ

- nhiệt độ phòng của nơi lắp đặt - loại, nhiệt độ và số lượng của nơi ở ở giữa

Vùng nhiệt độ	Cài đặt được đề xuất
<b>5</b> °C Phần làm mát	5 °C
<b>0</b> °C Sinh học tươi	(xem Giá trị B của BioFresh)

Cài đặt nhiệt độ trong ngăn tủ lạnh



Hình

13 u Thực hiện các bước.  
w Nhiệt độ đã được thiết lập.

Cài đặt nhiệt độ trong BioFresh Bạn có thể

cài đặt nhiệt độ thông qua BioFresh B-Value trong menu khách hàng.  
(xem Giá trị B của BioFresh)



Đơn vị nhiệt độ

Cài đặt này cho phép bạn chuyển đổi giữa các đơn vị nhiệt độ từ độ C đến độ F.

Chọn cài đặt u Cài đặt

giá trị (xem 6.2 Logic vận hành).

## B5

Giá trị B của BioFresh

Nhiệt độ trong BioFresh được đặt ở mức B5 khi giao hàng. Đèn báo trạng thái trên màn hình hiển thị nhiệt độ cài đặt tương ứng trong BioFresh.

Bạn có thể thay đổi giá trị này một chút nếu cần thiết do nhiệt độ môi trường cao hơn hoặc thấp hơn. Khi thiết lập giá trị, vui lòng lưu ý:

Mô tả giá trị	Giá trị
B1	nhiệt độ thấp nhất
B1-B4	Nhiệt độ có thể xuống dưới 0 °C để thực phẩm có thể đông lạnh.
B5	nhiệt độ cài đặt trước
B9	nhiệt độ cao nhất

Giá trị B của BioFresh

Chọn cài đặt u Đặt

giá trị trong menu khách hàng (xem 6.2 Vận hành logic).

## D1

Giá trị D

Giá trị D được cài đặt sẵn cho thiết bị của bạn và không nên thay đổi.



Siêu mát mẽ

Chức năng này chuyển sang công suất làm mát cao nhất. Điều này cho phép bạn đạt được nhiệt độ làm mát thấp hơn.

Chức năng liên quan đến phần làm mát Hình 1 (A)

Ứng dụng: - Làm

mát nhanh khối lượng thực phẩm lớn.

Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng u Đặt

sản phẩm vào ngăn tủ lạnh: Kích hoạt chức năng khi đặt sản phẩm. u Kích hoạt/hủy kích hoạt (xem 6.2 Logic vận hành). -hoặc- u Kích hoạt/hủy kích hoạt thông qua ứng dụng SmartDevice.\*

Chức năng này sẽ tự động bị vô hiệu hóa. Sau đó, thiết bị tiếp tục chạy ở chế độ bình thường. Nhiệt độ được điều chỉnh theo giá trị cài đặt.

Tính năng này cung cấp một loạt các chức năng và cài đặt đặc biệt hữu ích trong bữa tiệc.

Các chức năng sau đây được kích hoạt: - SuperCool

- InfinitySpring\*

Tất cả các chức

năng có thể được thiết lập linh hoạt và riêng lẻ. Những thay đổi sẽ bị hủy bỏ khi tính năng này bị vô hiệu hóa.

### 6.3.8 Kích hoạt / hủy kích hoạt chức năng

u Kích hoạt/hủy kích hoạt (xem 6.2 Logic vận hành). w Đã kích hoạt: Tất cả các chức năng được kích hoạt đồng thời. w Đã tắt: Nhiệt độ cài đặt trước là được phục hồi.

Sau 24 giờ, chức năng này sẽ tự động bị vô hiệu hóa.



Chế độ nghỉ lễ

Chức năng này đảm bảo mức tiêu thụ năng lượng ở mức tối thiểu khi vắng nhà kéo dài. Nhiệt độ của bộ phận làm mát được đặt ở mức 15 °C và hiển thị trên màn hình trạng thái khi đạt đến mức đó.

Ứng dụng: -

Tiết kiệm năng lượng khi vắng nhà lâu ngày.

- Ngăn ngừa mùi hôi và sự hình thành nấm mốc trong thời gian vắng mặt dài hơn.

Kích hoạt / hủy kích hoạt chức năng

u Làm trống hoàn toàn ngăn tủ lạnh. u

Kích hoạt / hủy kích hoạt. (xem 6.2 Logic vận hành) w Kích hoạt: Nhiệt độ làm mát tăng lên. w Đã hủy kích hoạt: nhiệt độ đã cài đặt trước đó là được phục hồi.



Chế độ ngày Sa-bát

Chức năng này kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chế độ SabbathMode. Kích hoạt tính năng này sẽ vô hiệu hóa một số chức năng điện tử. Điều này có nghĩa là nó tuân thủ

thiết bị đáp ứng các yêu cầu tôn giáo trong các ngày lễ của người Do Thái như Ngày Sa-bát và Chứng nhận Kosher của Star-K.

Trạng thái thiết bị khi SabbathMode đang hoạt động
Màn hình trạng thái liên tục hiển thị SabbathMode.
Tất cả các chức năng trên màn hình ngoại trừ chức năng hủy kích hoạt SabbathMode đều bị chặn.
Các tính năng đang hoạt động vẫn tiếp tục hoạt động.
Màn hình vẫn sáng khi cửa đóng.
Hệ thống chiếu sáng bên trong đã bị vô hiệu hóa.
Ký ức không được thực hiện. Khoảng thời gian đã đặt sẽ dừng lại.
Không hiển thị lời nhắc và cảnh báo.
Không có báo động cửa.
Không có báo động nhiệt độ.
InfinitySpring hiện không còn hoạt động nữa.*
Chu trình rã đông chỉ hoạt động cho đến thời gian đã cài đặt, bất kể có sử dụng tủ lạnh hay không.
Sau khi mất điện, thiết bị sẽ trở về chế độ SabbathMode.

#### Trạng thái thiết bị

#### Lưu ý Thiết

bị này được chứng nhận bởi "Viện Khoa học và Halacha". ([www.machonhalacha.co.il](http://www.machonhalacha.co.il))

Bạn có thể tìm thấy danh sách các thiết bị được chứng nhận STAR-K tại [www.star-k.org/appliances](http://www.star-k.org/appliances).

#### Kích hoạt SabbathMode



#### CẢNH BÁO Nguy cơ ngộ độc

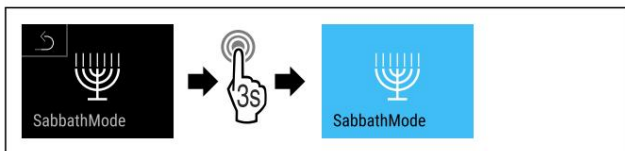
từ thực phẩm hư hỏng!

Nếu bạn đã kích hoạt SabbathMode và mất điện, sẽ không có thông báo nào xuất hiện trên màn hình trạng thái về việc mất điện. Sau khi mất điện, thiết bị sẽ tiếp tục hoạt động ở Chế độ Sabbath. Mất điện có thể làm thực phẩm bị hỏng. Việc tiêu thụ nó có thể gây ngộ độc thực phẩm.

Sau khi mất điện: u Không

bảo quản thực phẩm đông lạnh đã rã đông.  
tiêu thụ nhiều hơn.

u Mở menu cài đặt. (xem 6.2 Logic vận hành) u Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi chức năng cần thiết được hiển thị.  
được hiển thị.

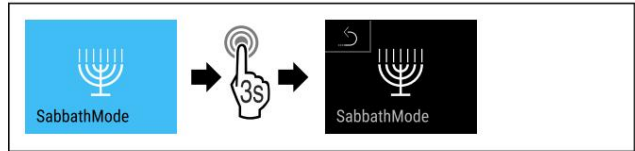


Hình 14

u Thực hiện các bước (xem Hình 14). w SabbathMode được kích hoạt. w Màn hình trạng thái liên tục hiển thị chế độ SabbathMode.

#### Tắt chế độ SabbathMode

u Mở menu cài đặt. (xem 6.2 Logic vận hành) u Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi chức năng cần thiết được hiển thị.  
được hiển thị.



Hình 15

u Thực hiện các bước (xem Hình 15). w SabbathMode đã bị vô hiệu hóa.



#### Tiết kiệm năng lượng

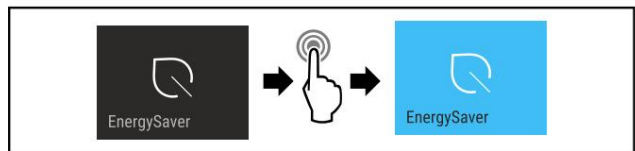
Chức năng này kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chế độ tiết kiệm năng lượng. Khi bạn kích hoạt chức năng này, mức tiêu thụ điện năng sẽ giảm và nhiệt độ trong thiết bị sẽ tăng thêm 2 °C. Thực phẩm vẫn tươi nhưng thời hạn sử dụng bị rút ngắn.

Khu vực nhiệt độ được đề xuất cài đặt	Nhiệt độ với EnergySaver hoạt động
5 °C Phần làm mát	7 °C

#### Nhiệt độ

Kích hoạt EnergySaver u Vuốt

sang trái hoặc phải cho đến khi chọn được chức năng cần thiết.  
được hiển thị.

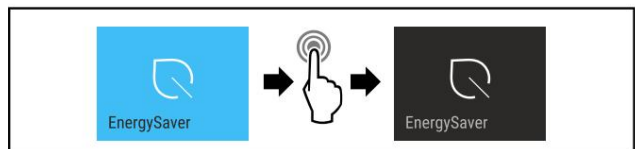


Hình 16

u Thực hiện các bước (xem Hình 16). w Chế độ tiết kiệm năng lượng được kích hoạt.

Tắt chế độ EnergySaver u Vuốt

sang trái hoặc phải cho đến khi chức năng cần thiết được hiển thị.  
được hiển thị.



Hình 17

u Thực hiện các bước (xem Hình 17). w Chế độ tiết kiệm năng lượng đã bị vô hiệu hóa.



#### Thủy tinh

Khi cửa đóng, HydroBreeze sẽ tạo ra một làn sương mịn trong ngăn kéo trong 4 giây sau mỗi 90 phút.

Chức năng này cũng được kích hoạt khi cửa mở. Chức năng này không được kích hoạt khi thiết bị được giao.

Ứng dụng: -

Dùng để bảo quản rau diếp, rau củ quả chưa đóng gói và có độ ẩm cao.

Có thể thực hiện các cài đặt sau: • 1: Thời

gian chức năng khi cửa mở là 4 giây • 2: Thời

gian chức năng khi cửa mở là 6 giây • 3: Thời

gian chức năng khi cửa mở là 8 giây • Tắt:

HydroBreeze bị vô hiệu hóa.

# Bộ

Kích hoạt / hủy kích hoạt chức năng u

Kích hoạt / hủy kích hoạt (xem 6.2 Logic vận hành) . -hoặc- u

Kích hoạt/hủy kích hoạt thông qua Ứng dụng Liebherr SmartDevice.\*



## Chế độ làm sạch

Cài đặt này cho phép vệ sinh thiết bị một cách thoải mái.

Cài đặt này liên quan đến phần làm mát Hình 1 (A).

Ứng dụng: - Vệ

sinh thủ công bộ phận làm mát.

- Vệ sinh InfinitySpring.\*

Hành vi của thiết bị khi cài đặt được kích hoạt:

- Màn hình liên tục hiển thị CleaningMode.
- Ngăn làm mát đã tắt.
- Hệ thống chiếu sáng bên trong đang hoạt động.
- Không hiển thị lời nhắc và cảnh báo. Không có tiếng bíp.
- InfinitySpring đã bị vô hiệu hóa.\*

Kích hoạt / hủy kích hoạt cài đặt u Kích

hoạt / hủy kích hoạt cài đặt (xem 6.2 Vận hành lo-  
(con gái) .

w Đã kích hoạt: Ngăn làm mát đã tắt. Ánh sáng  
vẫn tiếp tục.

w Đã vô hiệu hóa: nhiệt độ cài đặt trước được khôi phục  
được phục hồi.

Sau 60 phút, cài đặt sẽ tự động bị hủy kích hoạt. Sau đó, thiết bị vẫn tiếp  
tục hoạt động bình thường.



## Độ sáng màn hình

Cài đặt này cho phép bạn điều chỉnh dần độ sáng của màn hình.

Có thể thiết lập các mức độ sáng sau: - 40% - 60% - 80% - 100%

Chọn cài đặt u Cài

đặt giá trị (xem 6.2 Logic vận hành).



## Deuralarm

Cài đặt này cho phép bạn cài đặt thời gian cho đến khi chuông báo cửa (xem  
phần Đóng cửa) kêu.

Có thể thiết lập các giá trị sau: - 1 phút. - 2 phút. - 3 phút.

- Ngoài

Chọn cài đặt u Đặt

giá trị (xem 6.4 Thông báo lỗi).



## Chặn đầu vào

Cài đặt này ngăn chặn việc vô tình sử dụng thiết bị, ví dụ: bởi trẻ em.

Ứng dụng: -

Ngăn chặn những thay đổi không mong muốn đối với các cài đặt và chức năng.

- Ngăn chặn việc tắt thiết bị ngoài ý muốn.

- Ngăn ngừa việc cài đặt nhiệt độ không mong muốn.

Kích hoạt / hủy kích hoạt cài đặt u Kích

hoạt / hủy kích hoạt. (xem 6.2 Logic vận hành)



## Ngôn ngữ

Thiết lập này cho phép bạn cài đặt ngôn ngữ hiển thị.

Có thể lựa chọn các ngôn ngữ sau:

- Tiếng Đức
- Tiếng Anh
- Tiếng Pháp
- Tiếng Tây Ban Nha
- Tiếng Ý
- Hà Lan
- Tiếng Séc
- Hồ bơi
- Bồ Đào Nha
- Tiếng Nga
- Tiếng Trung

Kích hoạt / hủy kích hoạt cài đặt u Kích

hoạt / hủy kích hoạt (xem 6.2 Logic vận hành) .




## Thông tin

Cài đặt này cho phép đọc thông tin thiết bị và truy cập vào menu khách hàng.

Có thể đọc dữ liệu sau:

- Tên mẫu
- Mục lục
- Số seri
- Số dịch vụ

Truy cập dữ liệu thiết bị u Vuốt trên

màn hình cho đến khi cài đặt được hiển thị. u Xác nhận  đang được tái tạo  
hiển thị. u

Vuốt màn hình cho đến khi thông  
tin được hiển thị

để cho.

u Đọc dữ liệu thiết bị.



## ký ức

Lời nhắc được hiển thị bằng tín hiệu âm thanh và bằng biểu tượng quang học  
trên màn hình.

Tín hiệu âm thanh sẽ được khuếch đại và to hơn cho đến khi thông báo kết thúc.



### Thay bộ lọc nước\* Thông báo

này hiển thị khi bộ lọc nước cần được thay thế. u Thay bộ lọc nước sáu tháng một lần. u Xác nhận thông báo. w Khoảng thời gian bảo trì bắt đầu lại. Bộ lọc nước đảm bảo chất lượng nước tối ưu.



### Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir Thông

báo này được hiển thị khi bộ lọc không khí cần được thay thế. u Thay bộ lọc khí sáu tháng một lần. u Xác nhận thông báo. w Khoảng thời gian bảo trì bắt đầu lại. Bộ lọc không khí đảm bảo chất lượng không khí tối ưu trong thiết bị làm mát.

Kích hoạt cài đặt u

Kích hoạt / hủy kích hoạt (xem 6.2 Logic vận hành).



### Cài lại

Có thể sử dụng chức năng này để khôi phục tất cả cài đặt về mặc định của nhà sản xuất. Tất cả các thiết lập bạn đã thực hiện cho đến nay sẽ được khôi phục về cài đặt gốc.

Kích hoạt cài đặt u

Kích hoạt (xem 6.2 Logic vận hành) .

## 6.4 Thông báo lỗi

Thông báo lỗi sẽ hiển thị trên màn hình. Có hai loại thông báo lỗi:

Ý nghĩa của danh mục	
Tin nhắn	Nhắc lại các thủ tục chung. Bạn có thể thực hiện các thủ tục này để xóa tin nhắn.
Cảnh báo	Xuất hiện trong trường hợp có sự cố. Có tín hiệu phát ra bên cạnh màn hình. Â m báo hiệu sẽ to hơn cho đến khi màn hình được xác nhận bằng cách chạm vào. Bạn có thể tự mình khắc phục những vấn đề đơn giản. Đối với những sự cố nghiêm trọng, vui lòng liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng.

### 6.4.1 Cảnh báo



#### Đóng cửa lại

Tin nhắn sẽ hiển thị nếu cửa mở quá lâu.

Có thể thiết lập thời gian cho đến khi thông báo được hiển thị. u Kết thúc báo thức: Xác nhận thông báo. -hoặc- u Đóng cửa lại.



#### Lưu trữ

Thông báo này được hiển thị khi thiết bị xảy ra trục trặc. Đã xảy ra lỗi ở một bộ phận của thiết bị. u Mở cửa. u Lưu ý mã lỗi.

u Xác nhận thông báo. w

Tắt tiếng tín hiệu âm

thanh. w Màn hình trạng thái xuất

hiện. u Đóng cửa

lại. Bạn có thể liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 9.4 Dịch vụ khách hàng)

### 6.4.2 Chế độ demo

Khi chữ "D" hiển thị trên màn hình, chế độ xem trước đang được kích hoạt. Chức năng này được phát triển dành cho các đại lý vì tất cả các chức năng làm lạnh đều bị vô hiệu hóa.

Tắt chế độ DemoMode Khi thời

gian hiển thị trên màn hình hết hạn: u Xác nhận hiển thị trong thời gian hết hạn. w DemoMode đã bị vô hiệu hóa.

Khi không có thời gian trôi

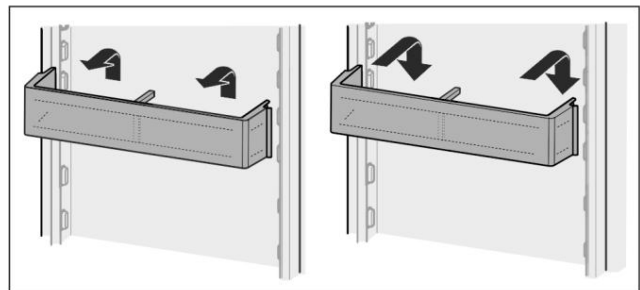
qua: u Rút phích cắm điện ra khỏi ổ cắm. u Cắm lại phích cắm điện. w DemoMode đã

bị vô hiệu hóa.

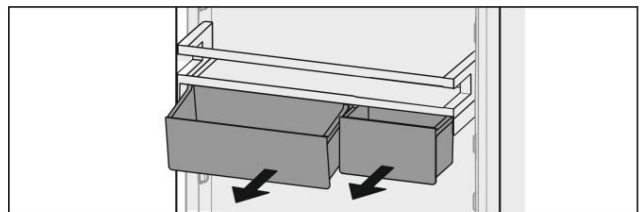
## 7 Thiết bị

### 7.1 Bộ điều chỉnh cửa

#### 7.1.1 Di chuyển / tháo bộ điều chỉnh cửa



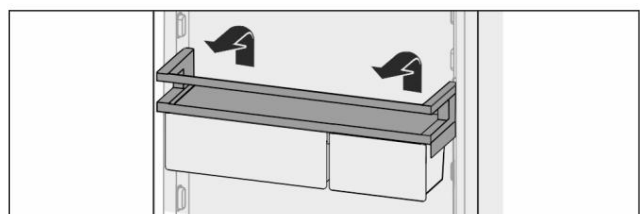
Hình  
6:00 PM Trượt bộ điều chỉnh lên trên.  
u Kéo về phía trước. u  
Cài đặt lại theo thứ tự ngược lại.



Hình 19

Bạn có thể sử dụng một hoặc cả hai VarioBox. Nếu cần đặt những chai rất cao, chỉ nên đặt một khay phía trên giá để chai.

Bộ điều chỉnh di chuyển với VarioBoxes:



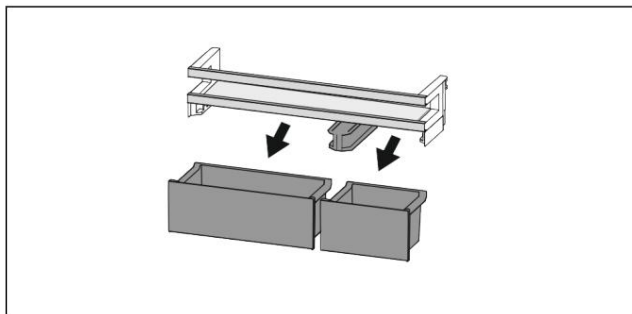
Hình 20

h Tháo ra khỏi đầu. u Áp dụng lại ở bất kỳ vị trí nào.

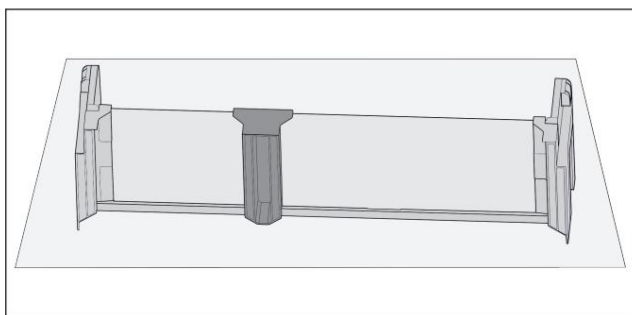
Chuyển đổi VarioBox:



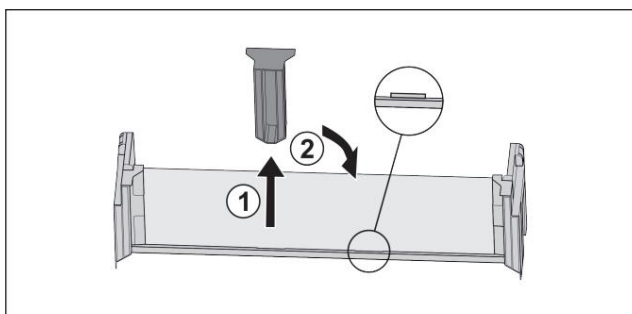
## Thiết bị



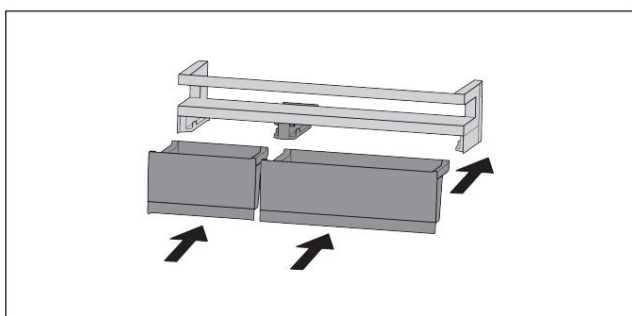
Hình 21  
 Khi bộ điều chỉnh cửa được tháo ra:  
 u Lấy các thùng chứa ra.



Hình 22  
 Đặt ngăn chứa đồ lên bàn.



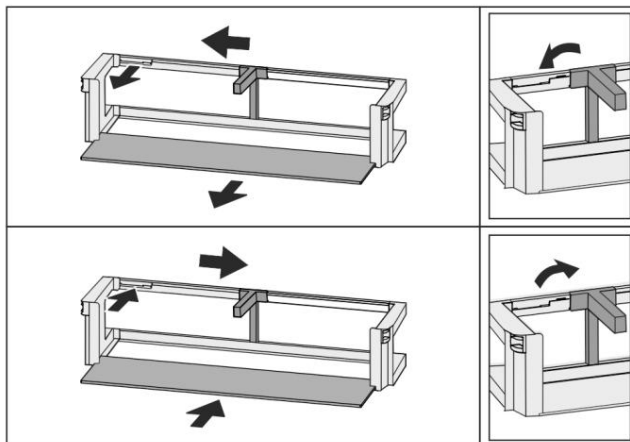
Hình 23  
 u Tháo phần giữ ở giữa Hình 23 (1).  
 u Chèn phần giữ ở giữa vào vị trí thứ hai Hình 23 (2).



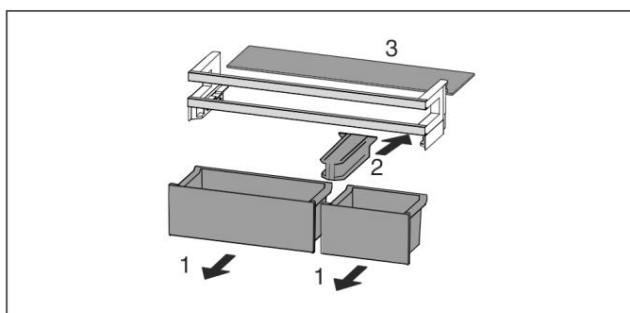
Hình 24  
 Tháo ra Thay thế các thùng chứa.

### 7.1.2 Tháo rời bộ điều chỉnh cửa

Bộ điều chỉnh cửa có thể tháo rời để vệ sinh gắn kết.



Hình 25

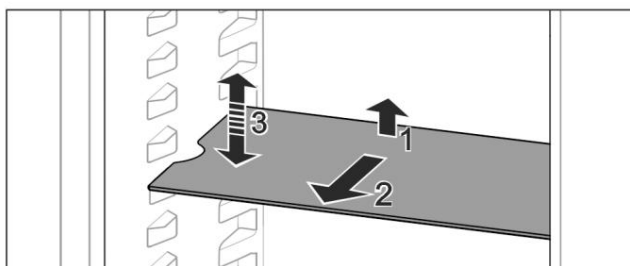


Hình 26  
 Tháo bộ điều chỉnh cửa.

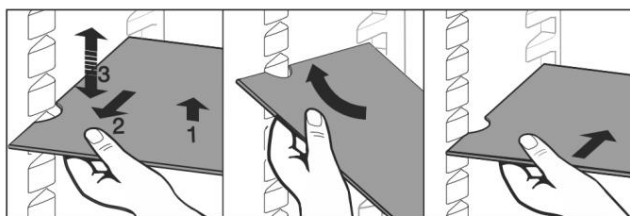
## 7.2 Nền tảng mang

### 7.2.1 Di chuyển / tháo dỡ sàn mang

Các bộ mang phải được bảo vệ chắc chắn khỏi rơi xuống không đều do các điểm dừng bị kéo ra.



Hình 27  
 u Nâng bộ mang lên và kéo về phía trước.  
 w Rãnh bên tại vị trí hỗ trợ.  
 u Di chuyển bộ mang: Đến bất kỳ độ cao nào nâng hoặc hạ và trượt vào.  
 -cửa-



Hình 28  
 u Để tháo hoàn toàn khay đựng: Kéo khay ra về phía trước.  
 u Để dễ dàng tháo rời: Nghiêng khay đựng.  
 u Để lắp lại khay đựng: Trượt khay vào hoàn toàn.  
 w Các điểm dừng kéo ra được hướng xuống dưới.

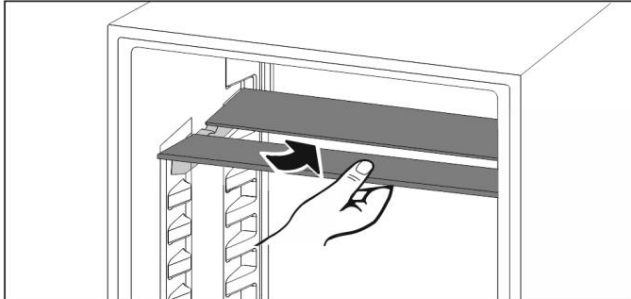


w Các điểm dừng kéo ra được đặt phía sau giá đỡ phía trước cao nguyên.

### 7.3 Bệ mang có thể chia nhỏ

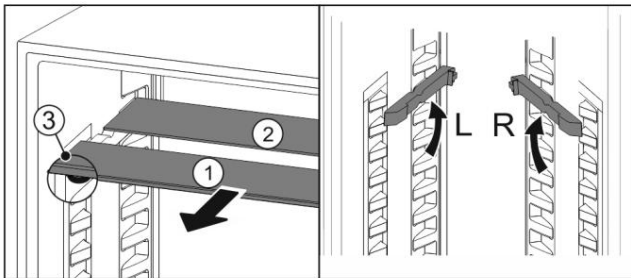
#### 7.3.1 Sử dụng bệ mang có thể chia nhỏ

Các sàn mang phải được cố định chắc chắn để tránh bị rơi bất ngờ bằng các điểm dừng kéo ra.



Hình 29

u Trượt các ngăn có thể chia ra như trong hình minh họa bên dưới.



Hình 30

Điều chỉnh chiều cao: u Kéo từng tấm kính ra khỏi mặt trước Hình 30 (1).

u Kéo thanh ray hỗ trợ ra khỏi ổ khóa và vào nhíp vào vị trí ở độ cao mong muốn.

u Trượt từng tấm kính vào một. w Các điểm dừng kéo ra phải ở phía trước, ngay phía sau thanh ray

hỗ trợ. w Chốt kéo phía sau cao.

Để sử dụng cả hai bề mặt: u Giữ tấm kính phía dưới bằng một tay và nghiêng về phía kéo về phía trước.

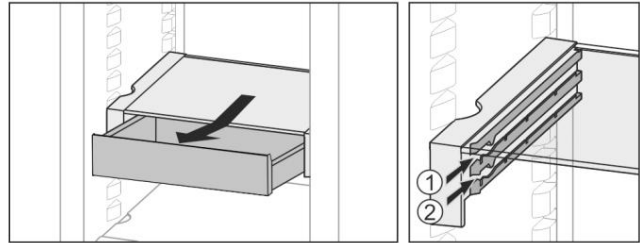
w Tấm kính Hình 30 (1) có khuôn đúc ở phía trước. w Các điểm dừng Hình 30 (3) hướng xuống dưới.

### 7.4 An toàn đa dạng

VarioSafe cung cấp không gian cho các loại thực phẩm nhỏ, bao bì, ống và ly.

#### 7.4.1 Sử dụng VarioSafe

Ngăn kéo có thể tháo rời và trượt vào ở hai độ cao khác nhau. Điều này cũng cho phép cất giữ những bộ phận nhỏ ở trên cao trong ngăn kéo.



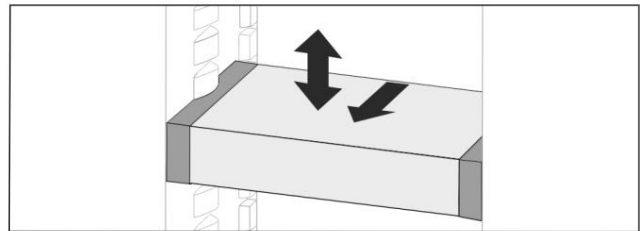
Hình 31

u Tháo ngăn kéo. u Ở bất kỳ độ

cao nào Hình 31 (1) hoặc Hình 31 (2) trong đó đẩy.

#### 7.4.2 Di chuyển VarioSafe

VarioSafe có thể di chuyển theo chiều dọc như một khối thống nhất.



Hình 32

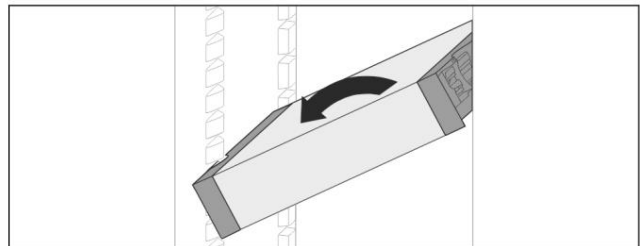
u Kéo về phía trước. w Rãnh

bên tại vị trí hỗ trợ. u Nâng hoặc hạ xuống bất kỳ độ cao nào. u Trượt nó vào phía sau.

#### 7.4.3 Tháo hoàn toàn VarioSafe

VarioSafe có thể được tháo rời hoàn toàn. u Kéo về phía trước. w Rãnh bên tại vị trí hỗ

trợ.

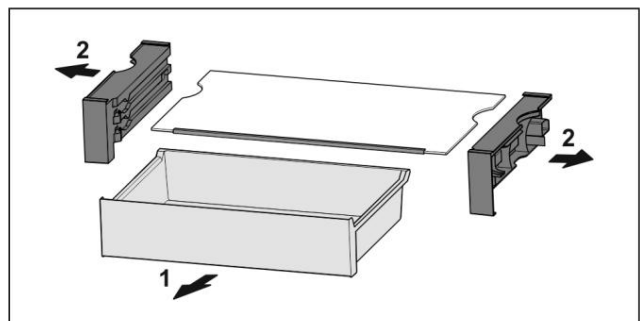


Hình 33

u Đặt nghiêng và kéo về phía trước.

#### 7.4.4 Tháo rời VarioSafe

VarioSafe có thể tháo rời để vệ sinh.



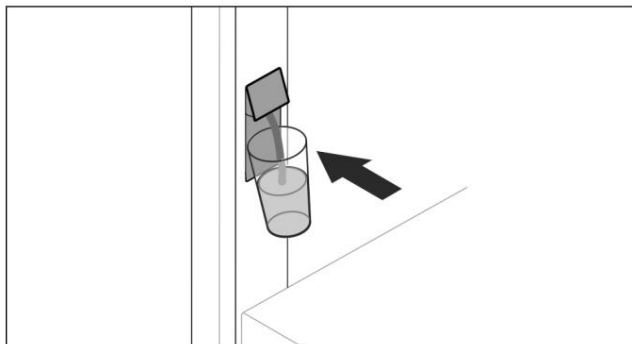
Hình 34

giữ để tháo rời VarioSafe.

## Thiết bị

### 7.5 Mùa xuân vô cực\*

Máy lấy nước tích hợp tiện lợi cho việc lấy nước uống. Nhiệt độ nước phụ thuộc vào nhiệt độ trong ngăn làm mát.



Hình 35

u Cốc uống nước được đặt trên nút nhấn ở phía dưới của máy rót để nhấn.

w Đơn vị đầu ra đi ra: Nước chảy vào

bỏ phiếu.

u Ngăn ngừa nước bắn vào: Lấy cốc uống nước ra từ tủ của ai.

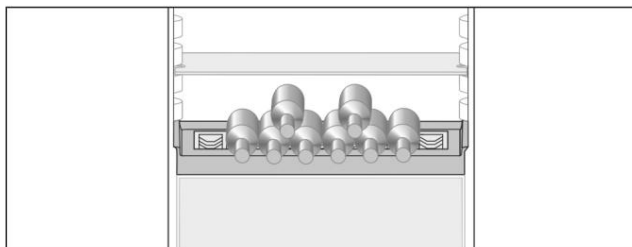
Thoát nhiều nước:

u Khi nước ngừng chảy, hãy tháo bình chứa nước ra và nhấn lại nút nhấn ở phía dưới của vòi lấy nước.

### 7.6 Kệ đựng chai có thể thay đổi

#### 7.6.1 Sử dụng kệ đựng chai

ở phần làm mát phía dưới, có thể sử dụng kệ để chai lọ hoặc kệ để thủy tinh tùy theo nhu cầu.



Hình 36

u Tháo tấm kính ra và cất riêng. u Chai có đáy hướng về phía sau để đặt.

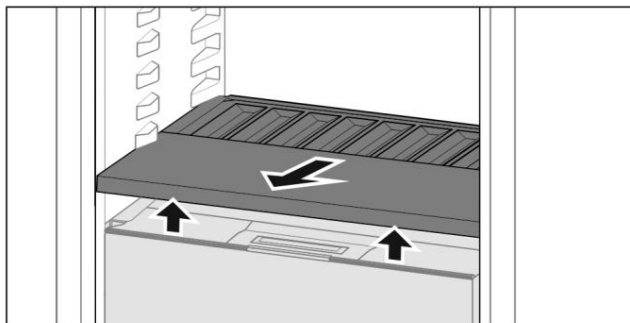
Lưu ý Nếu các

chai nhỏ ra ngoài kệ đựng chai ở phía trước: u Di chuyển bộ điều chỉnh cửa dưới lên cao

hơn một vị trí.

#### 7.6.2 Tháo kệ đựng chai

Kệ để chai có thể tháo rời để vệ sinh. u Tháo bỏ bếp gas phía trên kệ đựng chai.



Hình 37

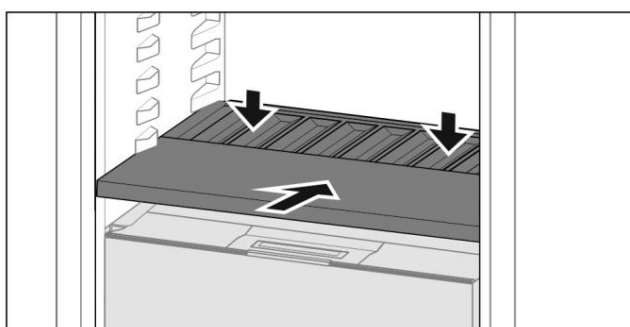
u Nâng giá để chai ở phía trước và kéo ra.

Chỉ định

Liebherr khuyên rằng:\*

Không đặt sản phẩm lên nắp ngăn bên dưới.\*

#### 7.6.3 Lắp đặt kệ đựng chai



Hình 38

u Trượt giá đựng chai vào hết mức có thể và xuống để nhấn.

w Các phích cắm ở mặt sau của kệ đựng chai được kết nối tự động. Đèn LED đang bật.

### 7.7 Có sẵn

Bạn có thể tháo ngăn kéo để vệ sinh.

Phương pháp tháo và lắp ngăn kéo phụ thuộc vào hệ thống kéo ra. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống trượt ra.

Lưu ý: Mức

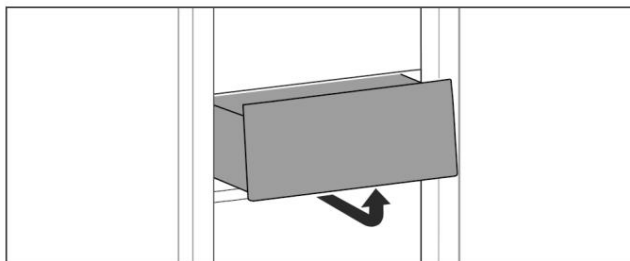
tiêu thụ năng lượng tăng và khả năng làm mát giảm nếu thông gió không đủ. u Giữ các lỗ thông gió ở bên

trong

bức tường phía sau luôn trống!

#### 7.7.1 Thanh trượt sạch\*

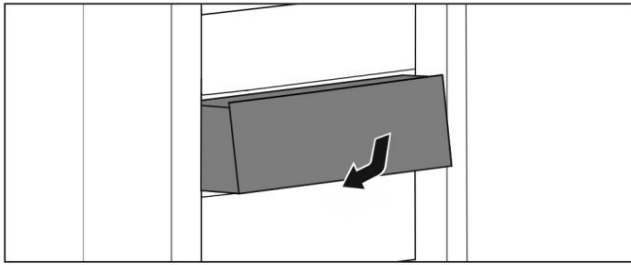
Loại bỏ ngăn kéo



Hình 39

u Tháo ngăn kéo như trong hình minh họa.

Đặt ngăn kéo



Hình 40

Đặt ngăn kéo như trong hình minh họa.

### 7.7.2 Ngăn kéo trên thanh ray dạng ống

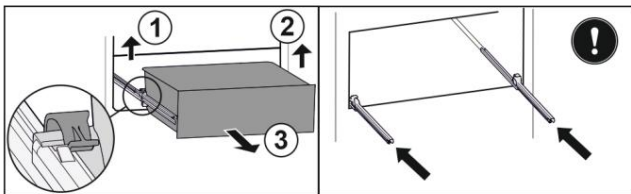
lồng Ngăn kéo chạy trên thanh ray có thể kéo dài (thanh ray dạng ống lồng). Có loại thanh ray có thể kéo dài hoàn toàn và loại thanh ray có thể kéo dài một phần. Các ngăn kéo có thể mở rộng hoàn toàn có thể được kéo hoàn toàn ra khỏi thiết bị.

Các ngăn kéo có thể mở rộng một phần không thể kéo hoàn toàn ra khỏi thiết bị. Hệ thống trong thiết bị của bạn phụ thuộc vào loại thiết bị.

Có thể kéo dài hoàn toàn\* Bạn

có thể nhận biết khả năng kéo dài hoàn toàn bằng kẹp nằm ở bên trái và bên phải phía sau thanh ray.

Loại bỏ ngăn kéo



Hình 41

41 u Kéo ngăn kéo ra xa nhất có thể. u

Nâng kẹp bên trái và đồng thời kéo ngăn kéo bên trái về phía trước.

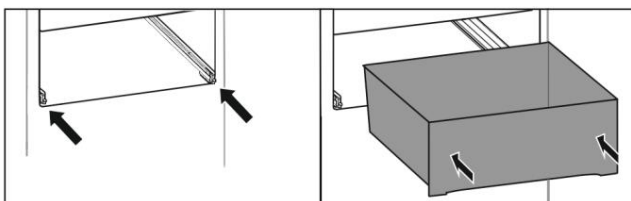
Hình 41 (1) u Nâng

kẹp bên phải và đồng thời kéo ngăn kéo về phía trước bên phải. Hình 41

(2) u Tháo khay về phía

trước. Hình 41 (3) u Trượt trên thanh ray.

Đặt ngăn kéo



Hình 42

42 u Trượt vào thanh

ray. u Đặt ngăn kéo lên

thanh ray. u Trượt ngăn kéo trở lại. w

Ngăn kéo kêu một tiếng tách khi vào đúng vị trí ở phía sau.

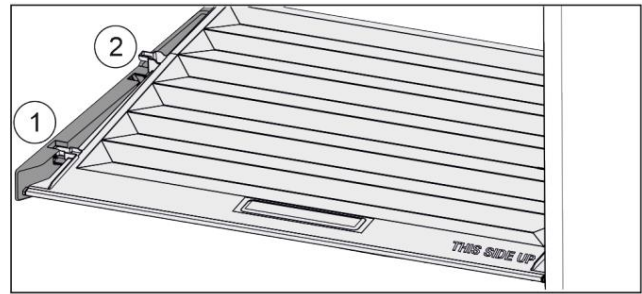
## 7.8 Nắp đậy an toàn cho trái cây và rau quả

Có thể tháo nắp ngăn để vệ sinh.

### 7.8.1 Tháo nắp ngăn chứa\*

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Kệ đựng chai được tháo

ra (xem 7.6 Chai có thể thay đổi-tấm ván).



Hình 43

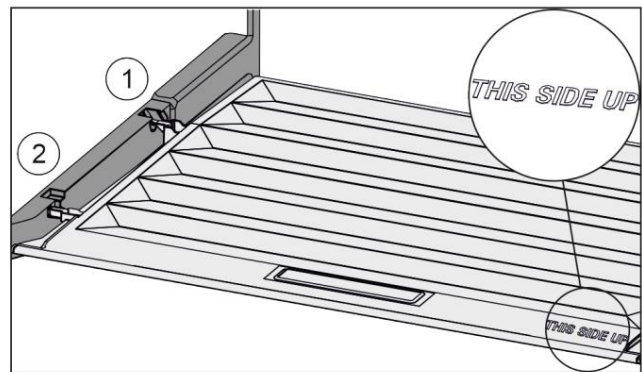
Khi các ngăn kéo được tháo ra:

u Kéo nắp về phía trước cho đến khi nó chạm tới lỗ mở ở các bộ phận giữ

Hình 43 (1). u Nâng

lên từ phía dưới ở phía sau và tháo ra khỏi phía trên Hình 43 (2).

### 7.8.2 Lắp nắp ngăn



Hình 44

Nếu dòng chữ MẶT NÀY HƯỚNG LÊN ở phía trên:

u Nắp cạnh xuyên qua lỗ mở của giá đỡ phía sau Hình 44 (1) và lắp vào

giá đỡ từ phía trước Hình 44 (2) nắp. u Di chuyển nắp đến vị trí

mong muốn (xem 7.9

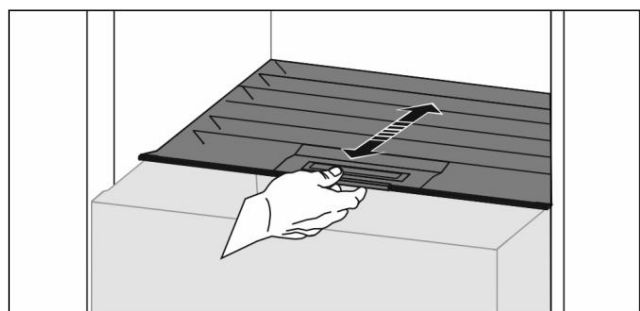
Kiểm soát độ ẩm)

khác) .

## 7.9 Kiểm soát độ ẩm

Bạn có thể tự cài đặt độ ẩm trong ngăn kéo bằng cách điều chỉnh nắp ngăn.

Nắp ngăn nằm trực tiếp trên ngăn kéo và có thể được đẩy bằng các kệ hoặc ngăn kéo bổ sung.



Hình 45

Độ ẩm thấp u Mở ngăn kéo. u

Kéo nắp ngăn chứa về phía

trước. w Với ngăn kéo đóng: Khoảng cách giữa nắp và

chủ thể.

u Tắt HydroBreeze.\* w Độ ẩm trong

phòng an toàn được giảm xuống.

Độ ẩm cao u Mở ngăn kéo.

## Thiết bị

u Trượt nắp ngăn chứa về phía sau. w Khi ngăn kéo đóng lại: Nắp không đóng chặt ngăn. u Kích hoạt HydroBreeze.\* w Độ ẩm trong chế độ an toàn được tăng lên.

Nếu độ ẩm trong ngăn quá cao: u Chọn cài đặt "độ ẩm quá thấp". -hoặc- u Lau khô bằng vải.

Lưu ý: Với

chế độ "độ ẩm thấp", Fruit & Vegetable Safe cũng có thể được sử dụng như Meat & Dairy Safe. u Đặt "độ ẩm thấp".

### 7.10 Thủy tinh

HydroBreeze phun sương làm mát thực phẩm và cung cấp độ ẩm trong ngăn chứa.

HydroBreeze và bình chứa nước đi kèm được đặt trong kệ đựng chai có thể thay đổi.

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: - Bể chứa nước đã được vệ sinh (xem 8.6.4 Thiết bị vệ sinh).

- Bình chứa nước được lắp đúng vị trí.
- Độ ẩm được đặt ở mức "độ ẩm cao" (xem mục 7.9 Kiểm soát độ ẩm).
- HydroBreeze được bật (xem HydroBreeze\*).

#### 7.10.1 Đổ đầy nước vào bình chứa



#### CẢNH BÁO

Nước bị ô nhiễm!

Ngộ độc. u Chỉ đổ nước uống vào. u HydroBreeze đã tắt: Đổ hết

nước trong bình chứa. Nếu bạn không sử dụng HydroBreeze trong thời gian dài: Hãy đổ hết nước trong bình chứa.

THẬN

TRONG Chất lỏng có đường!

Thiệt hại cho HydroBreeze. u Chỉ đổ nước uống vào.

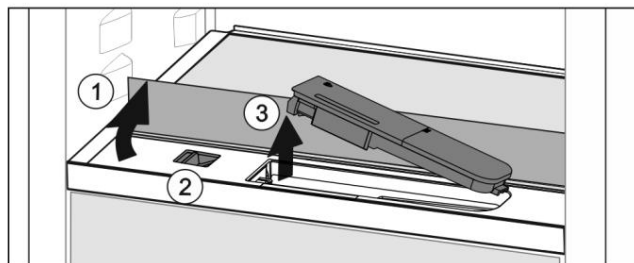
Lưu ý Sử dụng

nước đã lọc và khử cacbon sẽ cung cấp nguồn nước uống chất lượng tuyệt vời cho chức năng hoạt động trơn tru của HydroBreeze.

Chất lượng nước này có thể đạt được bằng bộ lọc nước uống có bán trên thị trường. u Đổ đầy nước uống đã được lọc

vào bình chứa nước và đã được khử cacbon.

Bình chứa nước được tích hợp vào kệ đựng chai có thể thay đổi (xem mục 1.2 Tổng quan về thiết bị và đồ dùng).



Hình 46

u Ở phía sau, góc trái của tấm kính phía trước để nhấn. w

Tấm kính lật lên ở phía trước.

u Nâng tấm kính lên và gấp nó lại hết mức có thể Hình 46 (1).

w Tấm kính được đặt thẳng đứng.

u Trượt Hình 46 (2) sang bên trái. w Bình chứa nước nhô ra khỏi hốc. u Tháo bình chứa nước Hình 46 (3). u Vệ sinh bình chứa nước (xem mục 8.6.4 Vệ sinh thiết bị).

Mở góc: u Đổ nước

uống đến vạch đánh dấu. u Bể chứa nước, đáy trước, vào hốc

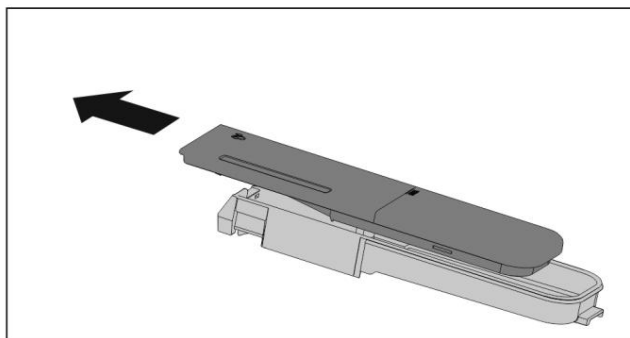
địa điểm.

u Từ từ hạ thấp phần phía trước và lắp bình chứa vào để nhấn. w

Bình chứa nước được lắp đúng vị trí.

#### 7.10.2 Tháo rời bình chứa nước

Có thể tháo rời bình chứa nước để vệ sinh.



Hình 47

h Tháo bình chứa nước.

### 7.11 Đĩa thủy tinh

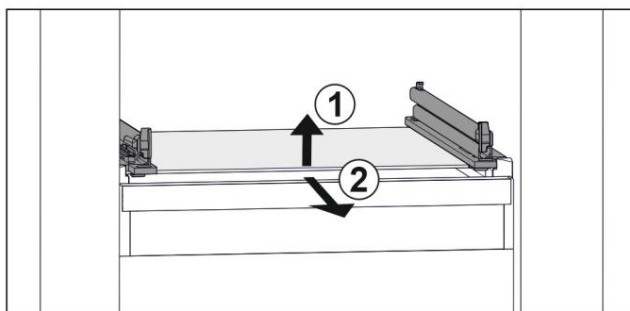
Bạn có thể tháo tấm kính bên dưới ngăn kéo để vệ sinh.

#### 7.11.1 Tháo/lắp tấm kính

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Đĩa thủy tinh bên dưới khay:

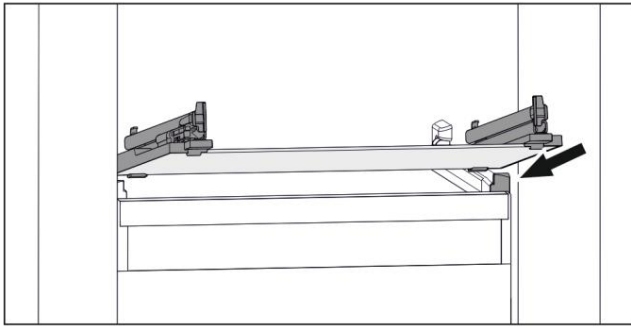
Khay đã được tháo ra. (xem 7.7 Tải)

Tháo tấm kính



Hình 48. Mẫu hình ảnh của tấm kính u Nâng tấm kính ở phía trước. Hình 48 (1) u Tháo tấm kính về phía trước. Hình 48 (2)

## Lắp tấm kính



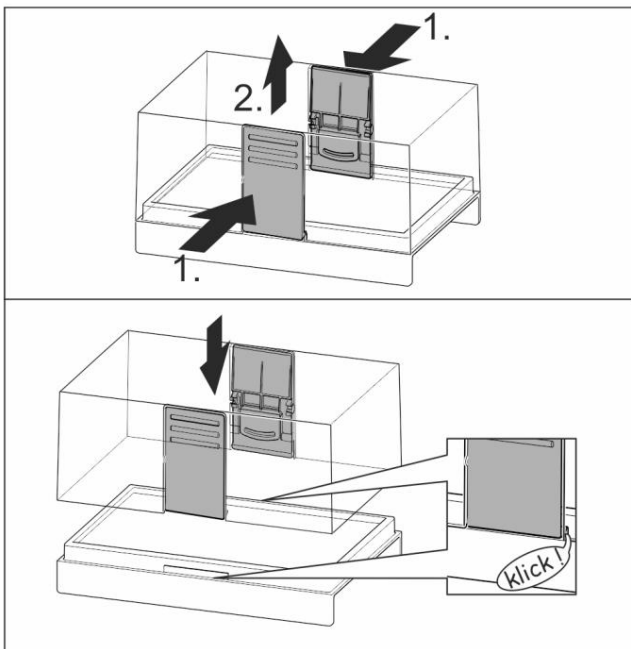
Hình 49 Mẫu xem của tấm kính

- u Tấm kính chéo phía sau nút chặn trên sườn hộp đựng địa điểm. (xem Hình 49)
- u Hạ tấm kính xuống.
- u Trượt tấm kính trở lại.

## 7.12 Phụ kiện

## 7.12.1 Đĩa đựng bơ

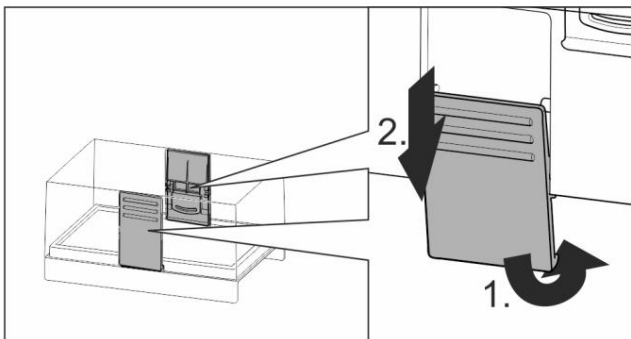
## Mở/đóng đĩa đựng bơ



Hình 50

## Tháo rời đĩa đựng bơ

Đội tàu Botor có thể được tháo rời để vệ sinh.



Hình

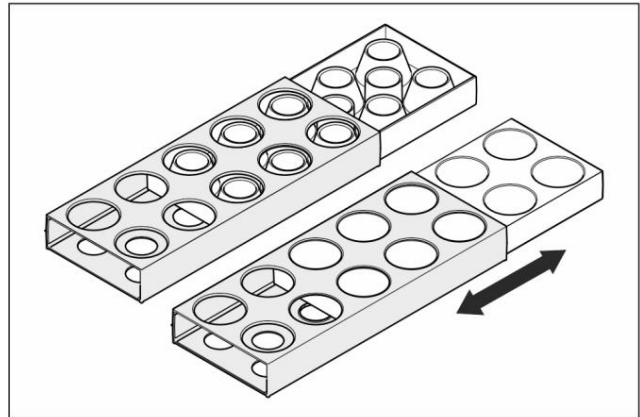
51 u Tháo rời đĩa đựng bơ.

## 7.12.2 Giá đựng trứng

Giá đựng trứng có thể kéo ra và xoay được.

Ví dụ, hai phần của hộp đựng trứng có thể được sử dụng để chỉ ra sự khác biệt về ngày mua.

## Sử dụng giá đựng trứng

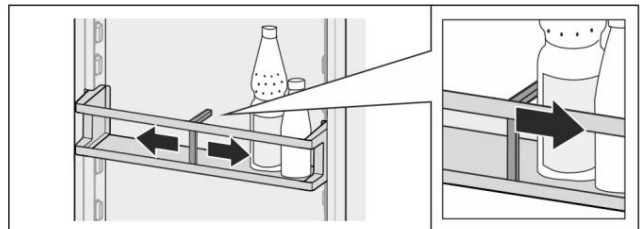


Hình 52

h Phía trên: Bảo quản trứng gà. u Phía dưới: Bảo quản trứng cút.

## 7.12.3 Giá đỡ chai

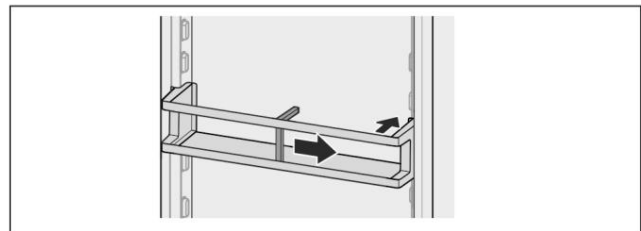
## Sử dụng giá đỡ chai



Hình 53

u Trượt giá đỡ chai vào chai. w Chai không bị đổ.

## Tháo giá đỡ chai



Hình 54

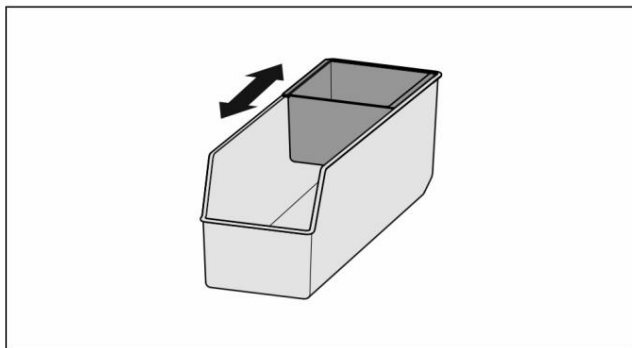
u Trượt giá đỡ chai hết cỡ về phía bên phải cho đến mép. u Tháo ra từ phía sau.

## 7.12.4 Hệ thống Flex\*

## Sử dụng FlexSystem FlexSystem

hỗ trợ việc lưu trữ và phân loại thực phẩm một cách rõ ràng, linh hoạt. Hệ thống này phân chia rõ ràng theo từng loại, ví dụ như trái cây, rau củ hoặc thời hạn sử dụng.

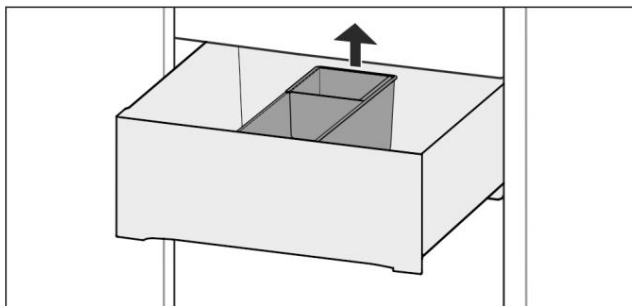
## BẢO TRÌ



Hình 55

u Di chuyển thùng chứa bên trong.

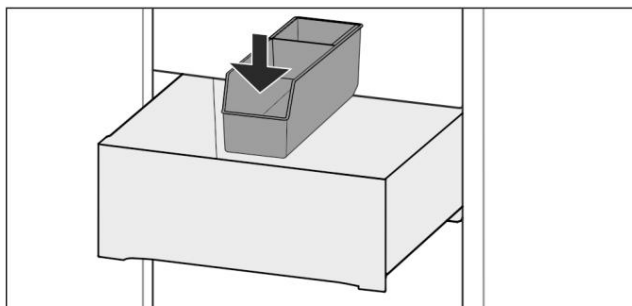
Xóa FlexSystem



Hình 56

u Nâng FlexSystem ở phía sau lên. u Tháo bỏ từ phía trên.

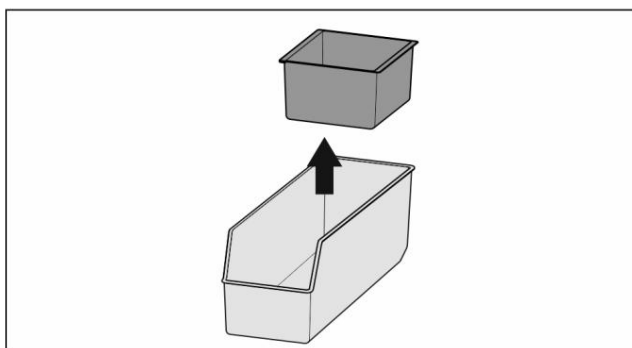
Áp dụng FlexSystem



Hình 57

u Đầu tiên, áp dụng FlexSystem ở phía trước. u Hạ thấp phần sau.

Tháo rời FlexSystem FlexSystem có thể được tháo rời để vệ sinh.



Hình

58 h Tháo rời FlexSystem.

## 8 Bảo trì

## 8.1 Bộ lọc than hoạt tính FreshAir

Bộ lọc than hoạt tính FreshAir nằm ở ngăn kéo phía trên quạt.

Điều này đảm bảo chất lượng không khí tối ưu.

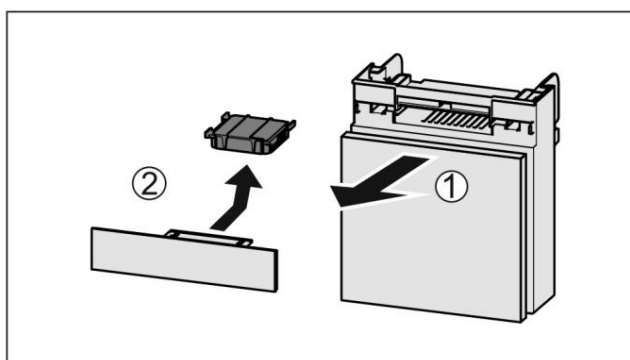
q Thay bộ lọc than hoạt tính sau mỗi 6 tháng.

Khi lời nhắc được kích hoạt, một thông báo trên màn hình sẽ nhắc bạn thay bộ lọc. q Bộ lọc than hoạt tính có thể được thải bỏ chung với rác thải sinh hoạt thông thường. ném.

Lưu ý Bộ lọc

than hoạt tính FreshAir có sẵn tại Cửa hàng đồ gia dụng Liebherr tại [home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html).

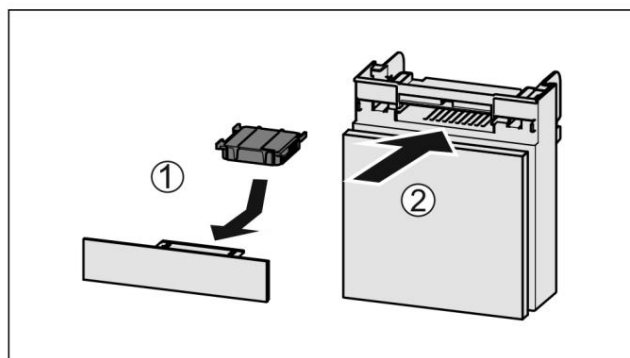
## 8.1.1 Tháo bộ lọc than hoạt tính FreshAir



Hình 59

u Kéo ngăn kéo ra khỏi mặt trước Hình 59 (1). u Tháo bộ lọc than hoạt tính Hình 59 (2).

## 8.1.2 Lắp đặt bộ lọc than hoạt tính FreshAir



Hình

60 u Lắp bộ lọc than hoạt tính như hình minh họa

Hình 60 (1). w

Bộ lọc than hoạt tính không khớp vào đúng vị trí.

Nếu bộ lọc than hoạt tính hướng xuống

dưới: u Trượt vào ngăn kéo Hình

60 (2). Bộ lọc than hoạt tính hiện đã sẵn sàng để sử dụng.

## 8.2 Bể chứa nước\*

Bình chứa nước InfinitySpring nằm phía sau ngăn kéo dưới cùng.

## 8.2.1 Tháo bình chứa nước

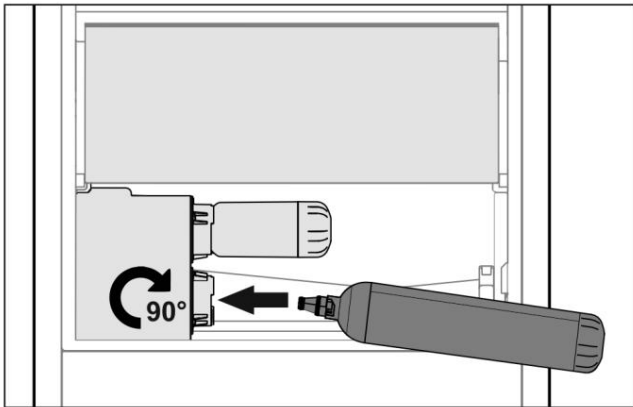
u Đóng vòi nước. u Xả

InfinitySpring trong 30 giây và để lại nước còn lại trong cốc để bắt.

- u Tháo ngăn kéo. u Xoay bình chứa nước sang bên trái hết cỡ rồi kéo nó ra. Nước nhỏ giọt ra ngoài sẽ được thu vào khay hứng nước.
- u Đổ hết nước ra khỏi khay hứng nước. u Vệ sinh khay hứng nước bằng vải hoặc trong máy rửa chén

Nước.

### 8.2.2 Sử dụng bình chứa nước



Hình 61

- u Tháo ngăn kéo. u Lắp bình chứa nước vào và xoay khoảng 90° đến điểm dừng rẽ sang phải.
- u Kiểm tra xem bình chứa nước đã được đóng chứa và không có nước hết. u Lắp ngăn kéo. u Mở vòi nước. u Xả hết nước trong hệ thống. (xem 3.3.1 Xả nước trong hệ thống)

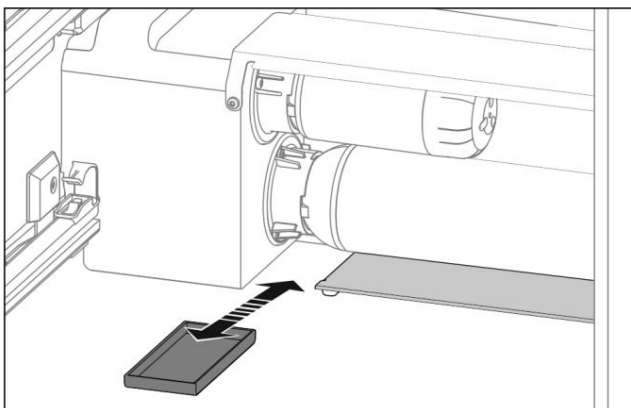
Thay vì sử dụng bộ lọc nước, bạn có thể sử dụng thêm một bình chứa nước.

#### Lưu ý Bình

chứa nước có sẵn như một phụ tùng thay thế.

### 8.2.3 Tháo/lắp lại khay hứng nước

Khay hứng nước có thể tháo rời để vệ sinh.



Hình 62

- u Kéo khay hứng nước ra phía trước.

### 8.3 Bộ lọc nước\*

Bộ lọc nước nằm ở phía sau ngăn kéo dưới cùng.

Chất này hấp thụ cặn bẩn trong nước và làm giảm mùi clo.

- q Thay bộ lọc nước theo công suất quy định ít nhất 6 tháng một lần hoặc nếu lưu lượng nước giảm đáng kể. q Bộ lọc nước có bộ lọc than hoạt tính và có thể thải bỏ cùng với rác thải sinh hoạt thông thường.

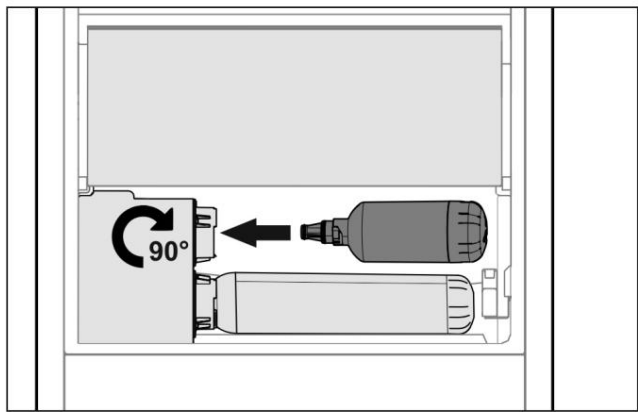
#### Lưu ý Bộ lọc

nước có sẵn tại Cửa hàng đồ gia dụng Liebherr tại [home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html).

### 8.3.1 Tháo bộ lọc nước

- u Tháo ngăn kéo. u Vận bộ lọc nước sang bên trái hết cỡ và tháo ra. Sự lôi kéo.
- Nước nhỏ giọt ra ngoài sẽ được thu vào khay hứng nước. u Làm sạch khay hứng nước bằng vải hoặc trong máy rửa chén
- Nước.

### 8.3.2 Lắp đặt bộ lọc nước



Hình 63

- u Tháo ngăn kéo. u Lắp bộ lọc nước vào và xoay khoảng 90° đến điểm dừng rẽ phải.
- u Kiểm tra xem bộ lọc đã được đóng chặt chứa và không có nước rò rỉ ra ngoài. u Lắp ngăn kéo.



CẢN THẬN

Bộ lọc nước mới có thể chứa chất rắn lơ lửng. u Xả và đổ 3 lít nước tại InfinitySpring.

Máy lọc nước hiện đã sẵn sàng để sử dụng.

### 8.4 Tháo rời/lắp ráp hệ thống trượt ra

#### 8.4.1 Lưu ý khi tháo rời

Bạn có thể tháo rời một số hệ thống kéo ra để vệ sinh. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống trượt ra.

Các hệ thống trượt ra sau đây có thể tháo rời hoặc không:

Hệ thống trượt ra	Có thể tháo rời / không thể tháo rời
Thanh trượt nạp điện*	không thể tháo rời*
Ngăn kéo có thể mở rộng hoàn toàn*,	không thể tháo rời*



## BẢO TRÌ

### 8.5 Rã đông thiết bị



CẢNH BÁO Thiết bị rã đông

Không đúng cách!

Chấn thương và thiệt hại. u Để đẩy nhanh quá trình rã đông, không sử dụng các biện pháp hỗ trợ cơ học hoặc các phương tiện khác không được nhà sản xuất khuyến nghị.

u Không sử dụng các thiết bị sưởi ấm bằng điện hoặc hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt rã đông để rã đông. u Không dùng vật sắc nhọn để lấy đá rã.

Quá trình rã đông diễn ra tự động. Nước rã đông được thoát ra ngoài qua lỗ thoát nước và bốc hơi. u Vệ sinh lỗ thoát nước thường xuyên (xem 8.6 Thiết bị lau dọn) .

### 8.6 Vệ sinh thiết bị

#### 8.6.1 Chuẩn bị



CẢNH BÁO Có nguy cơ bị

điện giật! u Rút phích cắm tủ lạnh ra

khỏi ổ cắm trên tường hoặc ngắt nguồn điện.



CẢNH BÁO

Nguy cơ cháy nổ

u Không làm hỏng các đường ống của mạch làm lạnh đảo.

u Làm trống thiết bị. u Rút phích cắm điện. -hoặc- bạn kích

hoạt CleaningMode. (xem CleaningMode)

#### 8.6.2 Vệ sinh vỏ máy

THẬN

TRỌNG Vệ sinh không đúng cách!

Thiết bị bị hư hỏng. u Chỉ sử dụng khăn

lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính. u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc trà

xước hoặc len thép.

u Không sử dụng vật sắc nhọn, mài mòn, cát, clo hoặc axit chứa chất tẩy rửa.



CẢNH BÁO

Nguy cơ chấn thương và hư hại do hơi nước nóng!

Hơi nước nóng có thể gây bỏng và làm hỏng bề mặt. u Không sử dụng máy làm sạch bằng hơi nước!

u Lau vỏ máy bằng vải mềm, sạch.

Trong trường hợp vết bẩn nặng, hãy sử dụng nước ấm với chất tẩy rửa trung tính. Bề mặt kính cũng có thể được vệ sinh bằng chất tẩy rửa kính.

#### 8.6.3 Vệ sinh bên trong

THẬN

TRỌNG Vệ sinh không đúng cách!

Thiết bị bị hư hỏng. u Chỉ sử dụng khăn

lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính. u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc trà

xước hoặc len thép.

u Không sử dụng vật sắc nhọn, mài mòn, cát, clo hoặc axit chứa chất tẩy rửa.

u Bề mặt nhựa: vệ sinh bằng tay với khăn mềm, sạch, nước ấm và một ít nước rửa chén.

u Bề mặt kim loại: Vệ sinh bằng tay với vải mềm, sạch, nước ấm và một ít nước rửa chén.

u Lỗ thoát nước: loại bỏ cặn bẩn bằng một miếng vải mỏng viện trợ, ví dụ tăm bông.

#### 8.6.4 Thiết bị vệ sinh

THẬN

TRỌNG Vệ sinh không đúng cách!

Thiết bị bị hư hỏng. u Chỉ sử dụng khăn

lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính. u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc trà

xước hoặc len thép.

u Không sử dụng vật sắc nhọn, mài mòn, cát, clo hoặc axit chứa chất tẩy rửa.

Vệ sinh bằng khăn mềm, sạch, nước ấm và một ít nước rửa chén: - Nắp VarioSafe - An toàn cho trái cây và rau

củ\* - Ngăn kéo

- Kệ đựng chai có thể thay đổi - FlexSystem\*

Vệ sinh bằng khăn

ấm: - Thanh ray dạng ống lồng

Xin lưu ý: MỜ bôi

trơn trong thanh dẫn hướng là để bôi trơn

và không được loại bỏ!

Có thể rửa bằng máy rửa chén ở nhiệt độ lên đến

60 °C: - Bộ điều

chỉnh cửa -

VarioBox - Giá để chai

- Kệ lưu trữ - Kệ lưu

trữ có thể chia nhỏ - Phần giữ

lại của kệ lưu trữ có thể chia nhỏ - Bình chứa nước

HydroBreeze và nắp bình chứa nước\* - Khay hứng nước\* - Khay đựng trứng -

Đĩa đựng bơ u Tháo rời

thiết bị: xem

chương có liên

quan. u Thiết bị sạch sẽ.

#### 8.6.5 Vệ sinh InfinitySpring\*

Có thể vệ sinh bộ phận đầu ra InfinitySpring và khu vực xung quanh mà không cần ngắt kết nối bộ phận này khỏi nguồn điện.

Phải tiến hành vệ sinh khi: q Sử dụng lần đầu q

Không sử dụng quá 5 ngày. u

Nhấn nút nhấn ở phía dưới của máy phân phối.

w Đơn vị đầu ra xuất hiện. u Lau sạch đầu ra nước và khu vực xung quanh bằng vải mềm, sạch, nước ấm và

một ít nước rửa chén.



u Nhà nút nhấn ở dưới cùng. u Xả và đổ  
2 lit nước tại InfinitySpring.\*

### 8.6.6 Tái tạo HydroBreeze\*

Phải tiến hành vệ sinh khi: q Sử dụng lần đầu q

HydroBreeze đã ngừng hoạt

động trong hơn 48 giờ. q Đổ đầy nước vào bình chứa.

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q HydroBreeze đã bị vô hiệu hóa

(xem HydroBreeze\*). q Bình chứa nước đã được tháo ra và rửa sạch

trong máy rửa chén. u Lau sạch phần lõm bằng khăn ẩm. u Lắp đặt bề chứa

nước. Bạn bật HydroBreeze.

8.6.7 Sau khi vệ sinh, lau khô

thiết bị và các bộ phận của thiết bị. u Kết nối và bật  
thiết bị.

Khi nhiệt độ đủ lạnh: u Đặt thức ăn vào. u Lặp lại việc  
vệ sinh thường xuyên.

## 9 Hỗ trợ khách hàng

### 9.1 Dữ liệu kỹ thuật

Phạm vi nhiệt độ	
Làm mát	3 °C đến 9 °C
Sinh học tươi	0 °C đến 3 °C
BioFresh Chuyên nghiệp* (Cá & Hải sản)*	-2 °C đến 0 °C* Các cài đặt có thể (xem 4.1.2.3 An toàn cho cá và hải sản *):* 0 °C   0 °C* -2 °C   0 °C* -2 °C   -2 °C*

Sự cứu tế	
Hiệu suất năng lượng lớp 1	Nguồn sáng
Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều nguồn sáng có hiệu suất năng lượng loại G.	DẪN ĐẾN

1 Thiết bị có thể chứa các nguồn sáng có mức hiệu suất năng lượng khác  
nhau. Lớp hiệu suất năng lượng thấp nhất được chỉ định.

Đối với các thiết bị có kết nối WLAN:\*

Chỉ báo tần số*	
Dải tần số	2,4 GHz
Công suất bức xạ tối đa	< 100 mW
Mục đích sử dụng thiết bị vô tuyến	Tích hợp vào mạng WLAN cục bộ để truyền dữ liệu

### 9.2 Tiếng ồn khi vận hành

Thiết bị phát ra nhiều tiếng ồn khác nhau trong quá trình hoạt động.

- Ở công suất làm lạnh thấp, thiết bị hoạt động tiết kiệm hơn,  
nhưng dài hơn. Âm lượng thấp hơn.
- Với khả năng làm lạnh mạnh mẽ, thực phẩm được làm lạnh nhanh hơn. Âm  
lượng cao hơn.

Ví dụ:

- Chức năng được kích hoạt (xem 6.3 Chức năng) • Quạt  
quay • Thực phẩm mới đặt •

Nhiệt độ môi trường cao • Cửa mở trong thời

gian dài

Âm thanh	Nguyên nhân có thể	Loại âm thanh
Nước làm mát sủi bọt và rỉ rào chảy trong mạch làm mát.	ri rào	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Chất làm mát thổi và rít vào mạch làm mát.	vào mạch làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Đề ngăn nga	Thiết bị đang làm mát. Âm lượng phụ thuộc vào khả năng làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Tiếng húp xì xụp	Cửa có bộ giảm chấn đóng thường, khi mở đóng có tiếng ồn.	tiếng ồn.
Tiếng vo ve và xào xạc	Bánh máy thờ xe quay.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Nhấp chuột	Các thành phần được bật và tắt.	Tiếng ồn chuyển mạch bình thường
kêu lạch cạch phóng	cửa Van hoặc nắp đang hoạt động.	Tiếng ồn chuyển mạch bình thường

Âm thanh	Nguyên nhân có thể	Loại âm thanh	Giải quyết
Rung rung	Xây dựng không phù hợp	Âm thanh lỗi	Cân chỉnh thiết bị theo chiều ngang bằng chân có thể điều chỉnh.
Vỗ tay	Thiết bị, các đối tượng bên trong qua thiết bị	Âm thanh lỗi	Lắp ráp các bộ phận thiết bị.  Khoảng cách giữa của bỏ lại đồ vật.

### 9.3 Lưu trữ kỹ thuật

Thiết bị của bạn đã được thiết kế và sản xuất theo cách đảm bảo an toàn chức  
năng và tuổi thọ lâu dài. Nếu xảy ra sự cố trong quá trình vận hành, vui lòng  
kiểm tra xem sự cố đó có phải do lỗi vận hành hay không. Trong trường hợp đó,  
bạn phải tự trả các chi phí phát sinh trong thời gian bảo hành.

Bạn có thể tự giải quyết các vấn đề sau.

## 9.3.1 Chức năng thiết bị

Vấn đề	Gây ra	Giải pháp
Thiết bị không hoạt động.	Thiết bị chưa được bật. u Bật thiết bị.	
	Phích cắm điện không được cắm đúng cách vào ổ cắm.	u Kiểm tra phích cắm điện.
	của phích cắm điện không hoạt động bình thường.	u Kiểm tra cầu chì. Cầu chì
	Mất điện	u Giữ thiết bị đóng lại. u Bảo vệ thực phẩm: Đặt túi lạnh lên trên thực phẩm hoặc sử dụng túi đông phân tán nếu mất điện kéo dài. u Không đóng lại thực phẩm đã rã đông.
	Phích cắm của thiết bị không được cắm đúng cách vào thiết bị.	u Kiểm tra phích cắm của thiết bị.
Nhiệt độ không đủ lạnh.	Cửa thiết bị không được đóng đúng cách.	u Đóng thiết bị.
	đủ.	u Làm sạch và vệ sinh lưới thông gió. Thông gió không
	Nhiệt độ môi trường quá cao. Xử lý sự cố: (xem 1.4	Phạm vi ứng dụng của thiết bị cao).
	Thiết bị được mở quá thường xuyên hoặc quá lâu.	u Đóng và xem nhiệt độ mong muốn có tự thiết lập lại không. Nếu không phải như vậy, vui lòng liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng (xem mục 9.4 Dịch vụ khách hàng).
	Nhiệt độ được cài đặt không chính xác.	u Đặt nhiệt độ thấp hơn và kiểm tra sau 24 giờ.
	Thiết bị quá gần nguồn nhiệt (bếp, lò sưởi, v.v.).	u Thay đổi vị trí của thiết bị hoặc nguồn nhiệt.
Gioăng cửa bị lỗi hoặc cần thay thế vì lý do nào đó.	Có thể sử dụng miếng đệm cửa. Liên hệ với Dịch vụ kỹ thuật (xem mục 9.4 Dịch vụ khách hàng). Có thể thay thế mà không cần gọi dịch vụ).	
Thiết bị bị đóng băng hoặc có hơi nước ngưng tụ.	Gioăng cửa có thể trượt ra khỏi rãnh u Gioăng cửa đã được trượt vào rãnh để lắp vừa khít. kiểm tra.	
Thiết bị ẩm ở bên ngoài*.	Nhiệt từ mạch làm mát được sử dụng để ngăn ngừa sự ngưng tụ.	Đây là điều bình thường.

## 9.3.2 Thiết bị

Vấn đề	Gây ra	Giải pháp
InfinitySpring không hoạt động.*	Có không khí trong hệ thống nước. u Xả hệ thống nước	(xem hướng dẫn lắp đặt, kết nối nước).
	Đường ống nước không mở. u Mở kết nối nước.*	
Dòng nước chảy ở Suối Vô Cực không đều.*	Bộ phận sục khí bị bẩn.	u Thay thế perlator. Liên hệ Kỹ thuật Dịch vụ (xem 9.4 Dịch vụ khách hàng).
	HydroBreeze không được kích hoạt. Bật HydroBreeze.	

Vấn đề	Gây ra	Giải pháp
HydroBreeze không làm ẩm sản phẩm đã được làm mát.*	Không có đủ nước trong bình chứa nước.	u Đổ đầy nước vào bình chứa.
	Có bụi bẩn ở phía trước bộ phận tập trung.	u HydroBreeze tái tạo.
	Bình chứa nước không được lắp đúng vào hốc tương ứng.	u Nhấp vào bình chứa nước đúng vị trí.
	Nắp của hộp đựng trái cây và rau quả an toàn đang ở chế độ "độ ẩm thấp". Thiết bị chưa được bật. u Bật thiết	u Đặt nắp hộp đựng trái cây và rau quả ở chế độ "độ ẩm cao".
Đèn bên trong không hoạt động.	bị.	
	Cửa đã mở hơn 15 phút.	u Đèn chiếu sáng bên trong sẽ tự động tắt sau khoảng thời gian. 15 phút khi cửa mở.
	Đèn LED bị lỗi hoặc nắp đèn bị hỏng.	u Liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng (xem mục 9.4 Dịch vụ khách hàng).

## 9.4 Dịch vụ khách hàng

Trước tiên hãy kiểm tra xem bạn có thể tự giải quyết lỗi hay không (xem phần 9 Trợ giúp khách hàng). Nếu không phải như vậy, vui lòng liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng.

Địa chỉ có trong tờ rơi kèm theo "Dịch vụ Liebherr".



CẢNH BÁO Sửa chữa không

có chuyên môn!

Chấn thương. u Việc

sửa chữa và can thiệp vào thiết bị và kết nối nguồn điện không được đề cập rõ ràng (xem 8 Bảo trì) chỉ được thực hiện bởi Dịch vụ kỹ thuật. u Chỉ có nhà sản xuất, dịch vụ chăm sóc khách hàng hoặc người có trình độ tương đương mới có thể thay thế

kết nối nguồn điện bị hỏng. u Đối với các thiết bị có phích cắm để làm mát thiết bị,

Khách hàng phải tự mình thực hiện việc thay thế.

### 9.4.1 Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng

Đảm bảo bạn có sẵn những thông tin sau về thiết bị: q Ký hiệu thiết bị (mẫu mã và chỉ mục) q Số dịch vụ.

(Dịch vụ) q Số sê-ri (S-No.) u Gọi dữ liệu thiết bị

thông qua màn hình hiển thị

(xem Thông tin).

-hoặc- u Dữ liệu thiết bị từ (xem 9.5 Biển chữ).

Nó            tên nơi            đọc

u Ghi lại thông tin thiết bị. u Liên

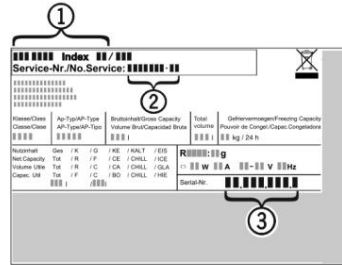
hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng: Cung cấp thông tin về lỗi và thiết bị.

Điều này cho phép cung cấp dịch

vụ nhanh chóng và có mục tiêu rõ ràng. u Thực hiện theo bất kỳ hướng dẫn nào khác từ bộ phận chăm sóc khách hàng.

## 9.5 Biển tên

Tấm biển định mức nằm ở mặt sau của ngăn kéo, bên trong thiết bị.



Hình 64

(1) Mô tả thiết bị (2) Số dịch vụ. u Đọc thông tin trên biển tên.

## 10 Tháo dỡ

u Làm trống thiết bị. u Tắt thiết bị. u Rút phích cắm điện. u Nếu cần, hãy rút phích cắm

của thiết bị: Kéo phích cắm ra và di chuyển từ trái sang phải cùng một lúc.

u Vệ sinh thiết bị (xem 8.6 Vệ sinh thiết bị). u Để cửa mở để mùi hôi không thể thoát ra.

## 11 Xử lý chất thải

### 11.1 Chuẩn bị thiết bị để thải bỏ



Liebherr sử dụng pin trong một số thiết bị. Tại EU, hiện nay, người tiêu dùng có nghĩa vụ pháp lý phải tháo pin trước khi vứt bỏ thiết bị.

Nếu thiết bị của bạn có pin, thông tin này sẽ được ghi trên thiết bị.

Đèn Nếu bạn có thể tự tháo đèn mà không làm vỡ chúng, hãy tháo chúng ra trước khi cho ăn.

u Ngừng sử dụng thiết bị. u Thiết bị có

pin: tháo pin ra. Mô tả câu cá xem chương Bảo trì.

u Nếu có thể: tháo đèn ra mà không làm vỡ chúng. để làm.

## Xử lý chất thải

---

### 11.2 Xử lý thiết bị theo quy định về môi trường



Thiết bị này chứa các vật liệu có giá trị và phải được xử lý riêng với rác thải sinh hoạt chưa phân loại.



Vứt bỏ pin riêng biệt với thiết bị. Pin có thể được trả lại miễn phí tại cửa hàng và các điểm thu gom khác như kho thành phố và xe chở hóa chất.

Đèn

Trả lại đèn đã tháo rời đến điểm thu gom được chỉ định.

Đối với Đức:

Bạn có thể trả lại thiết bị miễn phí cho trung tâm tái chế. Khi mua tủ lạnh hoặc tủ đông mới có diện tích bán hàng > 400 m<sup>2</sup>, đại lý cũng sẽ thu hồi thiết bị cũ miễn phí.



**CẢNH BÁO** Có chất làm

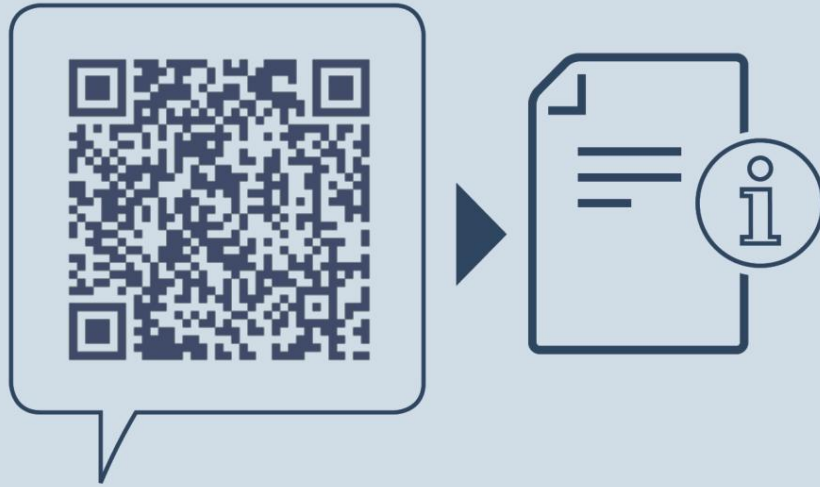
lạnh và dầu rò rỉ!

Ngon lửa. Chất làm mát được sử dụng thân thiện với môi trường nhưng dễ cháy. Dầu được sử dụng cũng dễ cháy. Chất làm mát và dầu thoát ra có thể bắt lửa ở nồng độ cao và tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài. u Không làm hỏng đường ống của mạch làm lạnh và máy nén.

---

u Vứt bỏ thiết bị mà không làm hỏng nó. u Vứt bỏ pin, đèn và thiết bị như mô tả ở đây- được mô tả ở trên.





[home.liebherr.com/fridge-manuals](https://home.liebherr.com/fridge-manuals)

**NL** Tủ lạnh có BioFresh

Ngày phát hành: 20230529

Số bài viết chỉ số: 7080482-00

Liebherr-Hausgeräte Marica E00D

Plovdiv là một thành phố

4202 Radinovo

Bungari